THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2021/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai phục vụ hoạt động phòng ngừa, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân hoạt động dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai, hoạt động phòng ngừa, ứng phó,

khắc phục hậu quả thiên tai; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai.

Điều 3. Các loại thiên tai được dự báo, cảnh báo và truyền tin

1. Bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động trên khu vực vùng biển phía Tây kinh tuyến 120° Đông, phía Bắc vĩ tuyến 05° Bắc và phía Nam vĩ tuyến 23° Bắc (sau đây gọi là Biển Đông, Phụ lục I Quyết định này) và trên đất liền lãnh thổ Việt Nam; bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động ngoài khu vực biển Đông, nhưng có khả năng di chuyển vào khu vực Biển Đông trong khoảng 24 đến 48 giờ tới.

2. Mưa lớn xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam; lũ trên các sông thuộc lãnh thổ Việt Nam và các sông liên quốc gia liên quan (Phụ lục II Quyết định này); ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Gió mạnh trên Biển Đông; sương mù trên Biển Đông và trên đất liền Việt Nam.

5. Nước dâng trên vùng biển ven bờ và đảo của Việt Nam.

6. Lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Cháy rừng do tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam.

8. Động đất có độ lớn (M) bằng hoặc lớn hơn 3,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) ảnh hưởng đến Việt Nam.

9. Động đất có độ lớn trên 6,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) xảy ra trên biển có khả năng gây ra sóng thần ảnh hưởng đến Việt Nam.

10. Sóng thần xảy ra do động đất ở vùng biển xa, có khả năng ảnh hưởng đến Việt Nam.

Điều 4. Xác định cấp độ rủi ro thiên tai

1. Rủi ro thiên tai được phân cấp căn cứ vào cường độ, phạm vi ảnh hưởng, khu vực chịu tác động trực tiếp và khả năng gây thiệt hại của thiên tai.

2. Cấp độ rủi ro thiên tai được xác định cho từng loại thiên tai và công bố cùng nội dung bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai.

3. Cấp độ rủi ro của mỗi loại thiên tai được phân tối đa thành 5 cấp và được gắn với một màu đặc trưng trên các loại bản đồ, theo mức độ tăng dần của rủi ro thiên tai: cấp 1 màu xanh dương nhạt là rủi ro thấp; cấp 2 màu vàng nhạt là rủi ro trung bình; cấp 3 màu da cam là rủi ro lớn; cấp 4 màu đỏ là rủi ro rất lớn; cấp 5 màu tím là rủi ro ở mức thảm họa (Phụ lục XII Quyết định này).

4. Cấp độ rủi ro của hai hay nhiều thiên tai xảy ra đồng thời hoặc liên tiếp, có thể điều chỉnh tăng lên 1 cấp dựa trên tác động của thiên tai; trong trường hợp có nguy cơ xảy ra thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, cấp độ rủi ro có thể được xem xét tăng lên hai cấp, cao nhất là cấp 5.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xoáy thuận nhiệt đới là vùng gió xoáy (đường kính có thể tới hàng trăm km) hình thành trên biển nhiệt đới, gió thổi xoáy vào trung tâm theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, áp suất khí quyển (khí áp) trong xoáy thuận nhiệt đới thấp hơn xung quanh, có mưa, đôi khi kèm theo dông, tố, lốc.

2. Tâm xoáy thuận nhiệt đới là vùng có trị số khí áp thấp nhất trong xoáy thuận nhiệt đới, nơi hội tụ của các luồng gió xoáy từ xung quanh thổi vào.

3. Sức gió mạnh nhất trong xoáy thuận nhiệt đới là tốc độ gió trung bình lớn nhất xác định trong thời gian 02 phút quan trắc (tính bằng cấp gió Bô-pho, Phụ lục III Quyết định này).

4. Gió giật là gió với tốc độ tăng lên tức thời, được xác định trong khoảng 02 giây.

5. Gió mạnh trên biển là gió với tốc độ từ cấp 6 trở lên xảy ra trên biển, xác định trung bình trong khoảng thời gian 02 phút quan trắc (tính bằng cấp gió Bô-pho).

6. Áp thấp nhiệt đới là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 6 đến cấp 7 và có thể có gió giật (Phụ lục III Quyết định này).

7. Bão là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 8 trở lên và có thể có gió giật. Bão có sức gió mạnh nhất từ cấp 10 đến cấp 11 gọi là bão mạnh, từ

cấp 12 đến cấp 15 gọi là bão rất mạnh, từ cấp 16 trở lên gọi là siêu bão (Phụ lục III Quyết định này).

8. Bão hoặc áp thấp nhiệt đới đổ bộ là khi tâm bão, tâm áp thấp nhiệt đới đã vào đất liền.

9. Bão hoặc áp thấp nhiệt đới tan là bão, áp thấp nhiệt đới đã suy yếu thành vùng áp thấp có sức gió mạnh nhất dưới cấp 6.

10. Vùng gió mạnh do hoàn lưu của bão hoặc áp thấp nhiệt đới gây nên là vùng có gió xoáy mạnh từ cấp 6 trở lên.

11. Vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão hoặc áp thấp nhiệt đới là vùng thời tiết xấu, có mưa, có gió mạnh từ cấp 6 trở lên do bão hoặc áp thấp nhiệt đới gây ra.

12. Nước dâng là hiện tượng nước biển dâng cao hơn mực nước triều bình thường do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão hoặc gió mạnh trên biển.

13. Sóng lớn là những con sóng trên biển có độ cao từ 2 m trở lên do áp thấp nhiệt đới, bão hoặc gió mạnh trên biển gây ra.

14. Lốc là luồng gió xoáy có sức gió mạnh tương đương với sức gió của bão nhưng được hình thành và tan trong thời gian ngắn, phạm vi hoạt động hẹp từ vài km^2 đến vài chục km^2.

15. Sét là hiện tượng phóng điện trong đám mây, giữa các đám mây với nhau hoặc giữa đám mây với mặt đất.

16. Mưa đá là mưa dưới dạng cục băng hoặc hạt băng có kích thước, hình dạng khác nhau, xảy ra trong thời gian ngắn, kèm theo mưa rào, đôi khi có gió mạnh.

17. Mưa lớn là hiện tượng mưa với tổng lượng mưa đạt trên 50 mm trong 24 giờ, trong đó mưa với tổng lượng mưa từ trên 50 mm đến 100 mm trong 24 giờ là mưa to, mưa với tổng lượng mưa trên 100 mm trong 24 giờ là mưa rất to.

18. Rét hại là hiện tượng thời tiết khi nhiệt độ không khí trung bình ngày xuống dưới 13^oC.

19. Sương muối là hiện tượng hơi nước đóng băng thành các hạt nhỏ và trắng như muối ngay trên mặt đất hay bề mặt cây cỏ hoặc các vật thể khác.

20. Sương mù là hiện tượng hơi nước ngưng tụ thành các hạt nhỏ li ti trong lớp không khí sát bề mặt trái đất, làm giảm tầm nhìn ngang xuống dưới 1 km.

21. Nắng nóng là hiện tượng thời tiết khi nhiệt độ không khí cao nhất trong ngày vượt quá 35°C.

22. Hạn hán là hiện tượng thiếu nước nghiêm trọng xảy ra trong thời gian dài do không có mưa và cạn kiệt nguồn nước.

23. Xâm nhập mặn là hiện tượng nước mặn với nồng độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng khi xảy ra triều cường, nước biển dâng hoặc cạn kiệt nguồn nước ngọt.

24. Cháy rừng do tự nhiên là cháy rừng xảy ra do ảnh hưởng của các hiện tượng bất thường như: nắng nóng, hanh khô, hạn hán kéo dài.

25. Lũ là hiện tượng mực nước sông dâng cao trong khoảng thời gian nhất định, sau đó xuống, trong đó:

a) Lũ lịch sử là lũ có đỉnh lũ cao nhất trong chuỗi số liệu quan trắc hoặc do điều tra khảo sát được;

b) Lũ đặc biệt lớn là lũ có đỉnh lũ cao hiếm thấy trong thời kỳ quan trắc;

c) Lũ bất thường là lũ xuất hiện trước hoặc sau mùa lũ quy định tại khoản 27 Điều này hoặc lũ được hình thành do mưa lớn xảy ra trong phạm vi nhỏ, hồ chứa xả nước, do vỡ đập, tràn đập, vỡ đê, tràn đê.

26. Lũ quét là lũ xảy ra bất ngờ trên sườn dốc và trên các sông suối nhỏ miền núi, dòng chảy xiết, thường kèm theo bùn đá, lũ lên nhanh, xuống nhanh, có sức tàn phá lớn.

27. Mùa lũ là khoảng thời gian liên tục trong một năm thường xuất hiện lũ, được xác định như sau:

a) Trên các sông thuộc Bắc Bộ, từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 31 tháng 10;

b) Trên các sông từ tỉnh Thanh Hóa đến tỉnh Hà Tĩnh, từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 11;

c) Trên các sông từ tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Ninh Thuận, từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 15 tháng 12;

d) Trên các sông thuộc tỉnh Bình Thuận, các tỉnh thuộc Nam Bộ và Tây Nguyên, từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 30 tháng 11.

28. Ngập lụt là hiện tượng mặt đất bị ngập nước do ảnh hưởng của mưa lớn, lũ, triều cường, nước biển dâng.

29. Sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán là hiện tượng đất, đá bị sạt, trượt, lở do tác động của các điều kiện nêu trên.

30. Sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán là hiện tượng đất bị tụt xuống thấp hơn so với khu vực xung quanh do tác động của các điều kiện nêu trên.

31. Cấp độ rủi ro thiên tai là sự phân định mức độ thiệt hại do thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

32. Tình trạng khẩn cấp về thiên tai là tình huống khi các loại thiên tai quy định tại Điều 3 Quyết định này ở mức rủi ro thiên tai cấp độ 5, có khả năng gây thảm họa, thiệt hại nặng nề về tính mạng, tài sản, công trình hạ tầng, môi trường sinh thái.

33. Động đất là sự rung động mặt đất bởi sự giải phóng đột ngột năng lượng trong vỏ trái đất dưới dạng sóng địa chấn, có thể gây ra biến dạng trên mặt đất, phá hủy nhà cửa, công trình, của cải và sinh mạng con người.

34. Chấn tiêu là vị trí nguồn phát sinh ra trận động đất.

35. Chấn tâm động đất là hình chiếu theo chiều thẳng đứng của chấn tiêu lên bề mặt trái đất.

36. Độ sâu chấn tiêu là khoảng cách từ chấn tiêu đến chấn tâm.

37. Cường độ chấn động trên bề mặt (ký hiệu I) là đại lượng biểu thị khả năng rung động do một trận động đất gây ra trên mặt đất và được đánh giá qua mức độ tác động của nó đối với nhà cửa, công trình, mặt đất, đồ vật, con người. Trong Quyết định này, cường độ chấn động trên bề mặt được đánh giá theo thang MSK-64 gồm 12 cấp (Phụ lục VIII Quyết định này).

Quan hệ giữa độ lớn động đất, loại động đất, cường độ chấn động, tác động và tần suất xuất hiện mỗi năm trên thế giới được nêu tại Phụ lục IX. Bản đồ phân vùng động đất trên lãnh thổ Việt Nam và vùng phụ cận thể hiện tại Phụ lục X Quyết định này.

38. Độ lớn động đất (ký hiệu M) là đại lượng đặc trưng cho mức năng lượng mà trận động đất phát và truyền ra không gian xung quanh dưới dạng sóng đàn hồi. Trong Quyết định này, độ lớn động đất sử dụng thang độ mô men. Động đất được phân thành các loại: Vi động đất ($M < 2,0$), động đất yếu ($2,0 \leq M \leq 3,9$), động đất nhẹ ($4,0 \leq M \leq 4,9$), động đất trung bình ($5,0 \leq M \leq 5,9$), động đất mạnh ($6,0 \leq M \leq 6,9$), động đất rất mạnh ($7,0 \leq M \leq 7,9$) và động đất hủy diệt ($M \geq 8,0$).

39. Sóng thần là chuỗi sóng biển chu kỳ dài (từ vài phút tới hàng giờ), lan truyền với vận tốc lớn. Tùy theo độ sâu đáy biển, vận tốc lan truyền sóng thần có thể đạt từ 720 km/giờ trở lên.

Động đất, núi lửa phun trào và các vụ nổ dưới đáy biển (kể cả các vụ thử hạt nhân dưới nước), trượt lở đất, va chạm của các thiên thạch... xảy ra trên biển đều có khả năng gây ra sóng thần. Bản đồ các vùng nguồn phát sinh động đất có khả năng gây sóng thần ảnh hưởng tới Việt Nam thể hiện tại Phụ lục XI Quyết định này.

40. Vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của sóng thần là vùng biển nông ven bờ và vùng đất nằm trong phạm vi sóng thần có thể lan truyền tới. Tùy thuộc vào độ cao địa hình, sóng thần có thể ảnh hưởng trực tiếp sâu vào đất liền hàng ki-lô-mét tính từ bờ biển.

Điều 6. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai

1. Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều 3 Quyết định này.

2. Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên và cấp độ rủi ro thiên tai quy định tại khoản 7 Điều 3 Quyết định này.

3. Viện Vật lý địa cầu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức ban hành các bản tin động đất, cảnh báo sóng thần và cấp độ rủi ro thiên tai quy định từ khoản 8 đến khoản 10 Điều 3 Quyết định này.

4. Bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai do các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này ban hành là bản tin chính thức, được sử dụng trong chỉ đạo điều hành hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai ở Việt Nam.

Điều 7. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm truyền, phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai

1. Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam.

2. Đài phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan báo chí.

3. Các cơ quan quản lý hệ thống truyền tin về thiên tai.

Chương II
DỰ BÁO, CẢNH BÁO VÀ TRUYỀN TIN THIÊN TAI

Mục 1
DỰ BÁO, CẢNH BÁO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO, SÓNG LỚN, NƯỚC DÂNG DO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO

Điều 8. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới

1. Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông

Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông được ban hành khi áp thấp nhiệt đới hoạt động ở ngoài Biển Đông và có khả năng di chuyển vào Biển Đông trong 24 giờ đến 48 giờ tới.

2. Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông

Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông được ban hành khi áp thấp nhiệt đới hoạt động trên Biển Đông và chưa có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 24 giờ tới.

3. Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp

Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp được ban hành khi áp thấp nhiệt đới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 24 giờ tới.

4. Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền

Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Tâm áp thấp nhiệt đới đã đi vào đất liền Việt Nam và sức gió mạnh nhất vẫn còn từ cấp 6 trở lên;

b) Tâm áp thấp nhiệt đới đã đi vào các nước lân cận, nhưng sức gió mạnh nhất vẫn còn từ cấp 6 trở lên và có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam trong 24 giờ tới.

5. Tin nhanh về áp thấp nhiệt đới

Tin nhanh về áp thấp nhiệt đới được ban hành khi phát tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp hoặc những trường hợp áp thấp nhiệt đới diễn biến phức tạp.

6. Tin cuối cùng về áp thấp nhiệt đới

Tin cuối cùng về áp thấp nhiệt đới được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Áp thấp nhiệt đới đã suy yếu thành một vùng áp thấp;

b) Áp thấp nhiệt đới đã đổ bộ vào các nước lân cận hoặc ra khỏi lãnh thổ, không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam;

c) Áp thấp nhiệt đới đã di chuyển ra ngoài Biển Đông và không có khả năng quay trở lại Biển Đông.

7. Tin sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới

Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới được ban hành ngay khi phát tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp.

Điều 9. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo bão, sóng lớn, nước dâng do bão

1. Tin bão gần Biển Đông

Tin bão gần Biển Đông được ban hành khi bão hoạt động ở ngoài Biển Đông và có khả năng di chuyển vào Biển Đông trong 48 giờ tới.

2. Tin bão trên Biển Đông

Tin bão trên Biển Đông được ban hành khi bão hoạt động trên Biển Đông và chưa có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 48 giờ tới.

3. Tin bão khẩn cấp

Tin bão khẩn cấp được ban hành khi bão có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam trong 48 giờ tới.

4. Tin bão trên đất liền

Tin bão trên đất liền được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Tâm bão đã đi vào đất liền Việt Nam và sức gió mạnh nhất vẫn còn từ cấp 8 trở lên;

b) Tâm bão đã đi vào các nước lân cận, nhưng sức gió mạnh nhất vẫn còn từ cấp 8 trở lên và có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam trong 24 giờ đến 48 giờ tới.

5. Tin nhanh về bão

Tin nhanh về bão được ban hành khi phát tin bão khẩn cấp hoặc những trường hợp bão diễn biến phức tạp.

6. Tin cuối cùng về bão

Tin cuối cùng về bão được ban hành khi có một trong các điều kiện sau:

a) Bão đã suy yếu thành một vùng áp thấp;

b) Bão đã đổ bộ vào các nước lân cận hoặc ra khỏi lãnh thổ, không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam;

c) Bão đã di chuyển ra ngoài Biển Đông và không có khả năng quay trở lại Biển Đông.

7. Tin sóng lớn, nước dâng do bão

Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do bão được ban hành ngay khi phát tin bão khẩn cấp.

Điều 10. Nội dung tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới

1. Tiêu đề tin áp thấp nhiệt đới: được ghi tương ứng theo tên từ khoản 1 đến khoản 6 Điều 8 Quyết định này.

2. Thông tin tóm tắt về thực trạng áp thấp nhiệt đới tại thời điểm gần nhất

a) Thời gian: theo giờ tròn, giờ Hà Nội;

b) Vị trí tâm áp thấp nhiệt đới: xác định theo độ vĩ bắc và độ kinh đông với mức độ chính xác đến 1/10 độ; trường hợp không xác định được vị trí tâm áp thấp nhiệt đới tại một điểm tọa độ thì xác định vị trí tâm áp thấp nhiệt đới trong ô vuông, mỗi cạnh bằng 01 độ kinh, vĩ;

c) Khoảng cách gần nhất từ vị trí tâm áp thấp nhiệt đới đến một trong các địa điểm: đảo hoặc quần đảo trên Biển Đông; một địa danh cụ thể trên đất liền Việt Nam hoặc nước lân cận;

d) Cường độ áp thấp nhiệt đới: tính bằng cấp gió Bô-pho đối với gió mạnh nhất và gió giật trong áp thấp nhiệt đới;

đ) Hướng di chuyển của áp thấp nhiệt đới: xác định theo 1 trong 16 hướng Bắc, Bắc Đông Bắc, Đông Bắc, Đông Đông Bắc, Đông, Đông Đông Nam, Đông Nam, Nam Đông Nam, Nam, Nam Tây Nam, Tây Nam, Tây Tây Nam, Tây, Tây Tây Bắc, Tây Bắc, Bắc Tây Bắc;

e) Tốc độ di chuyển: tính bằng km/giờ;

g) Khi áp thấp nhiệt đới đã trực tiếp ảnh hưởng đến các đảo, đất liền cần thông tin về số liệu đã quan trắc được tại các trạm trong khu vực ảnh hưởng.

3. Dự báo diễn biến của áp thấp nhiệt đới

a) Dự báo diễn biến của áp thấp nhiệt đới trong 24 giờ đến 48 giờ tới với các yếu tố quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Cảnh báo về hướng, tốc độ di chuyển và cường độ của áp thấp nhiệt đới trong khoảng thời gian từ 48 giờ đến 72 giờ tới;

c) Bản đồ dự báo quỹ đạo của áp thấp nhiệt đới, bán kính gió mạnh và vòng tròn xác suất 70% tâm áp thấp nhiệt đới có thể đi vào;

d) Vùng nguy hiểm trong 24 giờ tới do áp thấp nhiệt đới.

4. Dự báo về ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới

a) Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông: dự báo thời gian tâm áp thấp nhiệt đới đi vào Biển Đông, ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới đến các vùng biển, đảo hoặc quần đảo; khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn;

b) Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông: dự báo ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới đến vùng biển, đảo hoặc quần đảo; khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn;

c) Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp và Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền: dự báo khu vực ảnh hưởng trực tiếp của áp thấp nhiệt đới; dự kiến thời điểm và khu vực đổ bộ của áp thấp nhiệt đới; phạm vi ảnh hưởng của gió mạnh cấp 6, cấp 7; mưa lớn và các loại thiên tai khác trong 12 giờ, 24 giờ tới;

d) Tin cuối cùng về áp thấp nhiệt đới: dự báo khả năng mưa lớn và các loại thiên tai khác.

5. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do áp thấp nhiệt đới chi tiết cho các khu vực chịu ảnh hưởng theo quy định tại Điều 4 và Điều 42 Quyết định này.

6. Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo.

7. Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

8. Tin nhanh về áp thấp nhiệt đới: cập nhật vị trí, cường độ của áp thấp nhiệt đới thời điểm hiện tại.

Điều 11. Nội dung tin dự báo, cảnh báo bão

1. Tiêu đề tin bão: được ghi tương ứng theo tên từ khoản 1 đến khoản 6 Điều 9 Quyết định này kèm theo số hiệu cơn bão được xác định theo thứ tự các cơn bão hoạt động trên Biển Đông trong năm; không đặt số hiệu cho những cơn bão gần Biển Đông.

2. Thông tin tóm tắt về thực trạng bão tại thời điểm gần nhất

a) Thời gian: theo giờ tròn, giờ Hà Nội;

b) Vị trí tâm bão: xác định theo độ vĩ bắc và độ kinh đông với mức độ chính xác đến 1/10 độ;

c) Khoảng cách gần nhất từ vị trí tâm bão đến một trong các địa điểm: đảo hoặc quần đảo trên Biển Đông; một địa danh cụ thể trên đất liền Việt Nam hoặc nước lân cận;

d) Cường độ bão: tính bằng cấp gió Bô-pho đối với gió mạnh nhất và gió giật trong bão;

đ) Hướng di chuyển của bão: xác định theo 1 trong 16 hướng Bắc, Bắc Đông Bắc, Đông Bắc, Đông Đông Bắc, Đông, Đông Đông Nam, Đông Nam, Nam Đông Nam, Nam, Nam Tây Nam, Tây Nam, Tây Tây Nam, Tây, Tây Tây Bắc, Tây Bắc, Bắc Tây Bắc;

e) Tốc độ di chuyển: tính bằng km/giờ;

g) Khi bão đã trực tiếp ảnh hưởng đến các đảo, đất liền cần thông tin về số liệu đã quan trắc được tại các trạm trong khu vực ảnh hưởng.

3. Dự báo diễn biến của bão

a) Dự báo diễn biến của bão trong 24 giờ, đến 48 giờ và đến 72 giờ tới với các yếu tố quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Cảnh báo về hướng, tốc độ di chuyển và cường độ của bão trong khoảng thời gian từ 72 giờ đến 120 giờ tới;

c) Bản đồ dự báo quỹ đạo của bão, bán kính gió mạnh và vòng tròn xác suất 70% tâm bão có thể đi vào;

d) Vùng nguy hiểm trong 24 và 48 giờ tới do bão.

4. Dự báo về ảnh hưởng của bão

a) Tin bão gần Biển Đông: dự báo thời gian tâm bão đi vào Biển Đông và ảnh hưởng của hoàn lưu bão đến các vùng biển, đảo hoặc quần đảo; khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn;

b) Tin bão trên Biển Đông: dự báo ảnh hưởng của hoàn lưu bão đến vùng biển, đảo hoặc quần đảo; khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn; cụ thể thông tin về phạm vi ảnh hưởng của gió bão mạnh, sóng lớn, tình trạng biển trong 24 giờ, 48 giờ và đến 72 giờ tới; cảnh báo đến 120 giờ tới;

c) Tin bão khẩn cấp: dự báo ảnh hưởng của hoàn lưu bão đến vùng biển, đảo hoặc quần đảo; dự báo thời điểm và khu vực đổ bộ của bão; phạm vi ảnh hưởng của gió mạnh, mưa lớn và các loại thiên tai khác trong 12 giờ, 24 giờ, 48 giờ;

d) Tin bão trên đất liền và Tin cuối cùng về bão: dự báo khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão; dự báo, cảnh báo mưa lớn và các loại thiên tai khác do ảnh hưởng của hoàn lưu bão.

5. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do bão chi tiết cho các khu vực chịu ảnh hưởng theo quy định tại Điều 4 và Điều 42 Quyết định này.

6. Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo.

7. Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

8. Tin nhanh về bão: cập nhật vị trí, cường độ bão thời điểm hiện tại.

Điều 12. Nội dung tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão

1. Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn do áp thấp nhiệt đới, bão

a) Tiêu đề Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn do áp thấp nhiệt đới, bão kèm theo tên vùng biển bị ảnh hưởng;

b) Thông tin độ cao sóng lớn nhất, hướng sóng thịnh hành và khu vực sóng lớn trong 24 giờ qua;

c) Dự báo độ cao sóng lớn nhất, hướng sóng thịnh hành và cảnh báo khu vực sóng lớn trong 24 giờ, 48 giờ tới;

d) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

2. Tin dự báo, cảnh báo nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão

a) Tiêu đề Tin dự báo, cảnh báo nước dâng do bão, áp thấp nhiệt đới kèm theo tên khu vực bị ảnh hưởng;

b) Thông tin về nước dâng tại khu vực bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trong 24 giờ qua (nếu có);

c) Dự báo độ cao và thời điểm xuất hiện nước dâng lớn nhất, mực nước tổng cộng lớn nhất, phân bố nước dâng lớn nhất quanh khu vực bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng và nhận định về nguy cơ ngập lụt ven bờ do nước dâng kết hợp với thủy triều;

d) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do nước dâng theo quy định tại Điều 4 và Điều 43 Quyết định này;

e) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Điều 13. Tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão, sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão

1. Tin bão gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông

a) Mỗi ngày ban hành 4 bản tin chính vào lúc: 2 giờ 00, 8 giờ 00, 14 giờ 00 và 20 giờ 00;

b) Trường hợp áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông diễn biến phức tạp, ngoài 4 bản tin chính, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, Tin bão trên Biển Đông, Tin bão khẩn cấp, Tin bão trên đất liền

a) Mỗi ngày ban hành 8 bản tin chính vào lúc: 2 giờ 00, 5 giờ 00, 8 giờ 00, 11 giờ 00, 14 giờ 00, 17 giờ 00, 20 giờ 00 và 23 giờ 00;

b) Trong thời gian có tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, tin bão khẩn cấp và những trường hợp áp thấp nhiệt đới, bão diễn biến phức tạp, ngoài 8 bản tin chính, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

3. Tin nhanh áp thấp nhiệt đới, bão được cập nhật hằng giờ trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Khí tượng Thủy văn.

4. Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão được ban hành cùng tần suất và thời gian với bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão trong trường hợp khẩn cấp được quy định tại khoản 2 Điều này hoặc lồng ghép trong các bản tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão khẩn cấp.

Mục 2
DỰ BÁO, CẢNH BÁO MƯA LỚN, LŨ, NGẬP LỤT, LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT, SỤT LÚN ĐẤT DO MƯA LŨ HOẶC DÒNG CHẢY

Điều 14. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

1. Tin dự báo, cảnh báo mưa lớn

a) Tin cảnh báo mưa lớn được ban hành khi phát hiện mưa lớn có khả năng xảy ra trước 48 giờ;

b) Tin dự báo mưa lớn được ban hành khi phát hiện mưa lớn có khả năng xảy ra trước 24 giờ.

2. Tin cảnh báo lũ

Tin cảnh báo lũ được ban hành khi phát hiện mực nước trong sông có khả năng lên mức báo động 1 hoặc đã đạt mức báo động 1 và còn tiếp tục lên hoặc xuất hiện lũ bất thường.

3. Tin lũ

Tin lũ được ban hành khi mực nước trong sông đạt mức báo động 2 và còn tiếp tục lên hoặc khi mực nước trong sông đã xuống, nhưng vẫn còn cao hơn hoặc ở mức báo động 2.

4. Tin lũ khẩn cấp

Tin lũ khẩn cấp được ban hành khi mực nước trong sông đạt mức báo động 3 và còn tiếp tục lên, hoặc khi mực nước trong sông đã xuống, nhưng vẫn còn cao hơn hoặc ở mức báo động 3.

5. Tin cảnh báo ngập lụt

Tin cảnh báo ngập lụt được ban hành khi phát hiện mưa lớn, lũ, triều cường, nước biển dâng có khả năng gây ngập lụt cho khu vực bị ảnh hưởng hoặc khi phát hiện các hiện tượng bất thường khác như nguy cơ cao vỡ đập, hồ chứa xả nước, vỡ đê, tràn đê có khả năng gây ngập lụt cho khu vực bị ảnh hưởng.

6. Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được ban hành khi:

a) Phát hiện mưa lớn có khả năng gây lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất trên khu vực cảnh báo;

b) Phát hiện các hiện tượng bất thường khác như nguy cơ cao vỡ đê, vỡ đập, vỡ hồ chứa, xả lũ có khả năng gây lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất trên khu vực cảnh báo.

Điều 15. Nội dung tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

1. Tin cảnh báo mưa lớn

a) Tiêu đề Tin cảnh báo mưa lớn kèm theo tên khu vực bị ảnh hưởng;

b) Cảnh báo khả năng xảy ra mưa lớn: thời gian mưa, tổng lượng mưa, khu vực ảnh hưởng;

c) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn theo quy định tại Điều 4 và Điều 44 Quyết định này;

d) Thời gian ban hành bản tin;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

2. Tin dự báo mưa lớn

a) Tiêu đề Tin dự báo mưa lớn kèm theo tên khu vực bị ảnh hưởng;

b) Diễn biến mưa đã qua: thời gian mưa, khu vực mưa, cấp mưa, tổng lượng mưa trong 24 giờ qua;

c) Dự báo diễn biến mưa lớn trong 24 giờ đến 48 giờ tới: thời gian mưa, khu vực mưa, cấp mưa, tổng lượng mưa phổ biến;

d) Cảnh báo khả năng diễn biến mưa lớn từ 48 giờ đến 72 giờ tới;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn theo quy định tại Điều 4 và Điều 44 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

3. Tin cảnh báo lũ

a) Tiêu đề Tin cảnh báo lũ kèm theo tên khu vực, tên tỉnh hoặc tên sông cảnh báo lũ;

b) Hiện trạng mực nước trên lưu vực;

c) Cảnh báo: khu vực có khả năng xảy ra lũ, cấp báo động lũ có thể xảy ra; khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm;

d) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ theo quy định tại Điều 4 và Điều 45 Quyết định này;

đ) Thời gian ban hành bản tin;

e) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

4. Tin lũ và Tin lũ khẩn cấp

a) Tiêu đề Tin lũ và Tin lũ khẩn cấp kèm theo tên khu vực, tên tỉnh hoặc tên sông báo tin lũ;

b) Hiện trạng diễn biến lũ trong 12 giờ qua và số liệu thực đo về mực nước tại thời điểm gần nhất;

c) Dự báo: khả năng diễn biến của lũ trong thời hạn dự báo; mực nước lũ dự báo và so sánh với mực nước tương ứng với các cấp báo động hoặc với mực nước đỉnh lũ trong các trận lũ đặc biệt lớn, lũ lịch sử;

d) Cảnh báo nguy cơ ngập lụt, khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ chi tiết cho các khu vực chịu ảnh hưởng theo quy định tại Điều 4 và Điều 45 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

5. Tin cảnh báo ngập lụt

a) Tiêu đề Tin cảnh báo ngập lụt kèm theo tên khu vực, địa điểm báo tin ngập lụt;

b) Hiện trạng mưa, mực nước hoặc triều cường, nước biển dâng trên khu vực;

c) Cảnh báo các đặc trưng ngập lụt: phạm vi, thời gian, độ sâu ngập lụt lớn nhất;

d) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do ngập lụt theo quy định tại Điều 4 và Điều 45 Quyết định này;

đ) Thời gian ban hành tin;

e) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

6. Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

a) Tiêu đề Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất kèm theo tên khu vực, địa điểm báo tin;

b) Tình hình mưa trên lưu vực trong 6 giờ qua;

c) Cảnh báo mưa trong thời gian tiếp theo;

d) Cảnh báo các vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy (nếu có);

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ quét, sạt lở đất theo quy định tại Điều 4 và Điều 46 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Điều 16. Tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

1. Tin dự báo, cảnh báo mưa lớn

a) Tin cảnh báo mưa lớn đầu tiên được ban hành khi phát hiện khả năng xuất hiện mưa lớn trong khu vực cảnh báo; các tin cảnh báo mưa lớn tiếp theo được ban hành mỗi ngày 02 bản tin vào lúc 9 giờ 00 và 15 giờ 30;

b) Tin dự báo mưa lớn mỗi ngày ban hành 4 bản tin vào lúc: 3 giờ 30, 9 giờ 00, 15 giờ 30 và 21 giờ 00; trong trường hợp xảy ra mưa đặc biệt lớn hoặc rất nguy hiểm, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Tin cảnh báo lũ

a) Tin cảnh báo lũ được ban hành khi phát hiện mực nước trong sông có khả năng lên mức báo động 1 hoặc đã đạt mức báo động 1 và còn tiếp tục lên hoặc xuất hiện lũ bất thường;

b) Các tin cảnh báo lũ tiếp theo được ban hành mỗi ngày 02 bản tin vào lúc 9 giờ 00 và 15 giờ 30.

3. Tin lũ

a) Tin lũ trên khu vực đồng bằng sông Cửu Long, 02 ngày ban hành 01 bản tin vào lúc 9 giờ 00; trường hợp lũ diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính;

b) Tin lũ trên sông Hồng, sông Thái Bình và các sông khác, mỗi ngày ban hành 03 bản tin vào lúc: 9 giờ 00, 15 giờ 30 và 21 giờ 00; trường hợp lũ diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

4. Tin lũ khẩn cấp

a) Tin lũ khẩn cấp trên khu vực đồng bằng sông Cửu Long, 01 ngày ban hành 01 bản tin vào 9 giờ 00; trường hợp lũ diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính;

b) Tin lũ khẩn cấp trên sông Hồng, sông Thái Bình và các sông khác, mỗi ngày ban hành 04 bản tin chính vào lúc: 3 giờ 30, 9 giờ 00, 15 giờ 30 và 21 giờ 00; trường hợp lũ diễn biến nhanh và phức tạp, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính;

c) Thông tin về mực nước lũ trên các sông được cập nhật hàng giờ trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Khí tượng Thủy văn.

5. Tin cảnh báo ngập lụt

Tin cảnh báo ngập lụt được ban hành khi phát hiện mưa lớn, lũ, triều cường, nước biển dâng có khả năng gây ngập lụt cho khu vực bị ảnh hưởng hoặc khi phát hiện các hiện tượng bất thường khác như nguy cơ cao vỡ đập, hồ chứa xả nước, vỡ đê, tràn đê có khả năng gây ngập lụt lớn cho khu vực bị ảnh hưởng; tin cảnh báo ngập lụt có thể được ban hành độc lập hoặc lồng ghép trong tin cảnh báo lũ, tin lũ, lũ khẩn cấp.

6. Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

Tin cảnh báo lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được ban hành ngay sau khi phát hiện khả năng xuất hiện các hiện tượng lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất trên khu vực cảnh báo.

7. Đối với các sông ở địa phương không được quy định trong Phụ lục II, cơ quan ban hành bản tin dự báo, cảnh báo lũ, ngập lụt theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này căn cứ yêu cầu của hoạt động phòng, chống lũ và đặc điểm từng sông hoặc hệ thống sông để quyết định về thời gian và tần suất ban hành bản tin dự báo, cảnh báo lũ, ngập lụt.

Mục 3
DỰ BÁO, CẢNH BÁO NẮNG NÓNG, HẠN HÁN, XÂM NHẬP MẶN, SẠT LỞ ĐẤT, SỤT LÚN ĐẤT DO HẠN HÁN

Điều 17. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán

1. Tin dự báo, cảnh báo nắng nóng

a) Tin cảnh báo nắng nóng được ban hành khi phát hiện nắng nóng có khả năng xảy ra trước 48 giờ;

b) Tin dự báo nắng nóng được ban hành khi phát hiện nắng nóng có khả năng xảy ra trước 24 giờ.

2. Tin dự báo, cảnh báo hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có)

Tin dự báo, cảnh báo hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) được ban hành khi phát hiện có khả năng xảy ra trong khu vực dự báo.

3. Tin dự báo, cảnh báo xâm nhập mặn

a) Tin cảnh báo xâm nhập mặn được ban hành khi phát hiện có khả năng xảy ra xâm nhập mặn trong khu vực cảnh báo;

b) Tin dự báo xâm nhập mặn được ban hành khi xuất hiện xâm nhập mặn trong khu vực dự báo.

Điều 18. Nội dung tin dự báo, cảnh báo nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán

1. Tin cảnh báo nắng nóng

a) Tiêu đề Tin cảnh báo nắng nóng trên khu vực cụ thể;

b) Cảnh báo khả năng nắng nóng: thời gian xảy ra nắng nóng, khu vực ảnh hưởng, nhiệt độ cao nhất;

c) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do nắng nóng theo quy định tại Điều 4 và Điều 47 Quyết định này;

d) Thời gian ban hành bản tin;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

2. Tin dự báo nắng nóng

a) Tiêu đề Tin dự báo nắng nóng trên khu vực cụ thể;

b) Hiện trạng nắng nóng trong 24 giờ qua: khu vực ảnh hưởng, nhiệt độ cao nhất, độ ẩm tương đối thấp nhất;

c) Dự báo diễn biến nắng nóng trong 24 giờ đến 48 giờ tới: khu vực ảnh hưởng, nhiệt độ cao nhất, độ ẩm tương đối thấp nhất, thời gian nắng nóng trong ngày;

d) Cảnh báo khả năng tiếp diễn nắng nóng trong 72 giờ đến 120 giờ tới và thời gian kết thúc nắng nóng;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do nắng nóng theo quy định tại Điều 4 và Điều 47 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

3. Tin dự báo, cảnh báo hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có)

a) Tiêu đề Tin dự báo, cảnh báo hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) kèm theo tên khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng;

b) Hiện trạng diễn biến tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trên khu vực dự báo; tỷ lệ phần trăm (%) thiếu hụt tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trên khu vực so với giá trị trung bình nhiều năm cùng thời kỳ và giá trị trung bình cùng thời kỳ năm trước đó;

c) Dự báo, cảnh báo diễn biến tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trên khu vực dự báo trong thời hạn dự báo; tỷ lệ phần trăm (%) thiếu hụt tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt dự báo trên khu vực trong thời hạn dự báo so với giá trị trung bình nhiều năm cùng thời kỳ;

d) Cảnh báo sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có);

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán hoặc sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) theo quy định tại Điều 4 và Điều 48 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

4. Tin cảnh báo xâm nhập mặn

a) Tiêu đề Tin cảnh báo xâm nhập mặn kèm theo tên lưu vực sông hay khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn;

b) Hiện trạng thủy văn, diễn biến thủy triều trên lưu vực được cảnh báo;

c) Cảnh báo các khu vực có khả năng xảy ra xâm nhập mặn với độ mặn 1‰ hoặc 4‰ trở lên sâu trong nội đồng;

d) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn theo quy định tại Điều 4 và Điều 49 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin;

d) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

5. Tin dự báo xâm nhập mặn

a) Tiêu đề Tin dự báo xâm nhập mặn kèm theo tên lưu vực sông hay khu vực chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn;

b) Hiện trạng thủy văn, diễn biến thủy triều và xâm nhập mặn trên lưu vực được dự báo: độ mặn cao nhất tại các vị trí dự báo, khoảng cách chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn với độ mặn 4‰ hoặc 1‰ tính từ cửa sông chính;

c) Dự báo: độ mặn cao nhất, thời gian xuất hiện tại các vị trí; phạm vi, thời gian chịu ảnh hưởng của độ mặn 4‰ hoặc 1‰; khoảng cách chịu ảnh hưởng của độ mặn 4‰ hoặc 1‰ trở lên tính từ cửa sông chính;

d) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn theo quy định tại Điều 4 và Điều 49 Quyết định này;

đ) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

e) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Điều 19. Tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán

1. Tin dự báo, cảnh báo nắng nóng

a) Tin cảnh báo nắng nóng đầu tiên được ban hành khi phát hiện khả năng xuất hiện nắng nóng trong khu vực cảnh báo; các tin cảnh báo nắng nóng tiếp theo được ban hành mỗi ngày 01 bản tin vào lúc 14 giờ 30;

b) Tin dự báo nắng nóng mỗi ngày ban hành 03 bản tin vào lúc: 8 giờ 00, 14 giờ 00 và 20 giờ 00; trong trường hợp xảy ra nắng nóng đặc biệt gay gắt và khả năng kéo dài, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Tin dự báo, cảnh báo hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có)

a) Tin dự báo, cảnh báo hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) đầu tiên được ban hành khi phát hiện có khả năng xuất hiện hạn hán trong khu vực cảnh báo, dự báo;

b) Tin dự báo, cảnh báo hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) tiếp theo được ban hành 10 ngày 01 bản tin sau khi ban hành bản tin đầu tiên vào các ngày 10, 20 và ngày cuối tháng; trong trường hợp hạn hán diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

3. Tin dự báo, cảnh báo xâm nhập mặn

a) Tin cảnh báo xâm nhập mặn được ban hành khi phát hiện có khả năng xảy ra hiện tượng xâm nhập mặn trong khu vực cảnh báo;

b) Tin dự báo xâm nhập mặn đầu tiên được ban hành khi xuất hiện hiện tượng xâm nhập mặn trong khu vực dự báo.

Các tin dự báo xâm nhập mặn tiếp theo được ban hành 10 ngày 01 bản tin sau khi ban hành bản tin đầu tiên vào các ngày 10, 20 và ngày cuối tháng; trong trường hợp xâm nhập mặn diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

Mục 4
DỰ BÁO, CẢNH BÁO GIÓ MẠNH TRÊN BIỂN, SÓNG LỚN, NƯỚC DÂNG, SƯƠNG MÙ

Điều 20. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng, sương mù

1. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo gió mạnh trên biển

a) Tin cảnh báo gió mạnh trên biển được ban hành khi phát hiện gió mạnh trên biển có khả năng xảy ra trong 24 giờ đến 48 giờ tới;

b) Tin dự báo gió mạnh trên biển được ban hành khi phát hiện gió mạnh trên biển có khả năng xảy ra trước 24 giờ.

2. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng

a) Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão được ban hành theo quy định tại khoản 7 Điều 8 và khoản 7 Điều 9 Quyết định này;

b) Tin cảnh báo sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển được ban hành khi phát hiện sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển có khả năng xảy ra trong 24 giờ đến 48 giờ tới;

c) Tin dự báo sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển được ban hành khi phát hiện sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển có khả năng xảy ra trước 24 giờ.

3. Ban hành bản tin cảnh báo sương mù

Tin cảnh báo sương mù được ban hành khi phát hiện sương mù có khả năng xảy ra trong 24 giờ tới.

Điều 21. Nội dung tin dự báo, cảnh báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng, sương mù

1. Nội dung Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão được ban hành theo quy định tại Điều 12 Quyết định này.

2. Tin cảnh báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển

a) Tiêu đề Tin cảnh báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển kèm theo tên khu vực bị ảnh hưởng;

b) Cảnh báo khả năng xảy ra gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển: thời gian xảy ra gió mạnh, sóng lớn, nước dâng khu vực ảnh hưởng;

c) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do gió mạnh trên biển, nước dâng theo quy định tại Điều 4, Điều 43 và Điều 50 Quyết định này;

d) Thời gian ban hành bản tin;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

3. Tin dự báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển

a) Tiêu đề Tin dự báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển kèm theo tên khu vực bị ảnh hưởng;

b) Diễn biến gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển đã qua: thời gian xảy ra gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển; khu vực xảy ra gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển;

c) Dự báo diễn biến gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển trong 24 giờ tới: thời gian xảy ra gió mạnh, sóng lớn, nước dâng, khu vực xảy ra gió mạnh, cấp gió, độ cao sóng, độ cao nước dâng;

d) Cảnh báo khả năng diễn biến gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển từ 24 giờ đến 48 giờ tới;

đ) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do gió mạnh trên biển, nước dâng theo quy định tại Điều 4, Điều 43 và Điều 50 Quyết định này;

e) Thời gian ban hành bản tin và thời gian ban hành bản tin tiếp theo;

g) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

4. Tin cảnh báo sương mù

a) Tiêu đề Tin cảnh báo sương mù kèm theo tên khu vực bị ảnh hưởng;

b) Cảnh báo khả năng xảy ra sương mù: thời gian xảy ra sương mù, khu vực ảnh hưởng;

c) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do sương mù theo quy định tại Điều 4 và Điều 51 Quyết định này;

d) Thời gian ban hành bản tin;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Điều 22. Tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng, sương mù

1. Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng do áp thấp nhiệt đới, bão được ban hành theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Quyết định này.

2. Tin dự báo, cảnh báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển

a) Tin cảnh báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển đầu tiên được ban hành khi phát hiện khả năng xuất hiện gió mạnh trong khu vực cảnh báo; các tin cảnh báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển tiếp theo được ban hành mỗi ngày 01 bản tin vào lúc 16 giờ 00;

b) Tin dự báo gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển mỗi ngày ban hành 02 bản tin vào 04 giờ 00, 16 giờ 00; trong trường hợp xảy ra gió mạnh trên biển, sóng lớn, nước dâng do gió mạnh trên biển đặc biệt nguy hiểm và có khả năng kéo dài, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

3. Tin cảnh báo sương mù

Tin cảnh báo sương mù đầu tiên được ban hành khi phát hiện khả năng xuất hiện sương mù trong khu vực cảnh báo; các tin cảnh báo sương mù tiếp theo được ban hành mỗi ngày 01 bản tin vào lúc 21 giờ 30. Trường hợp xảy ra sương mù kéo dài, diễn biến phức tạp, cần ban hành bổ sung bản tin vào lúc 04 giờ 30.

Mục 5
DỰ BÁO, CẢNH BÁO LỐC, SÉT, MƯA ĐÁ, RÉT HẠI, SƯƠNG MUỐI

Điều 23. Ban hành bản tin dự báo, cảnh báo lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối

1. Tin cảnh báo lốc, sét, mưa đá được ban hành khi phát hiện lốc, sét, mưa đá có khả năng xảy ra.

2. Tin dự báo, cảnh báo rét hại, sương muối được ban hành khi phát hiện rét hại, sương muối có khả năng xảy ra trước 24 giờ.

Điều 24. Nội dung tin dự báo, cảnh báo lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối

1. Nội dung tin cảnh báo lốc, sét, mưa đá

a) Tiêu đề Tin cảnh báo lốc, sét, mưa đá trên khu vực cụ thể;

b) Cảnh báo khả năng xảy ra lốc, sét, mưa đá và khu vực ảnh hưởng;

c) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lốc, sét, mưa đá theo quy định tại Điều 4 và Điều 52 Quyết định này;

d) Thời gian ban hành bản tin;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

2. Nội dung tin dự báo, cảnh báo rét hại, sương muối

a) Tiêu đề Tin dự báo, cảnh báo rét hại, sương muối trên khu vực cụ thể;

b) Dự báo, cảnh báo khả năng rét hại, sương muối: thời gian xảy ra rét hại, sương muối, khu vực ảnh hưởng;

c) Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do rét hại, sương muối theo quy định tại Điều 4 và Điều 53 Quyết định này;

d) Thời gian ban hành bản tin;

đ) Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Điều 25. Tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối

1. Tin cảnh báo lốc, sét, mưa đá được ban hành trước ít nhất 30 phút khi các hiện tượng trên có khả năng xảy ra. Các tin cảnh báo lốc, sét, mưa đá liên tục được cập nhật tùy theo diễn biến cụ thể.

2. Tin dự báo, cảnh báo rét hại, sương muối đầu tiên được ban hành khi phát hiện khả năng xuất hiện rét hại, sương muối trong khu vực dự báo, cảnh báo; các bản tin dự báo, cảnh báo rét hại, sương muối tiếp theo được ban hành mỗi ngày 04 bản tin vào lúc: 03 giờ 30, 09 giờ 30, 15 giờ 30 và 21 giờ 30.

Mục 6
DỰ BÁO, CẢNH BÁO CHÁY RỪNG DO TỰ NHIÊN

Điều 26. Ban hành bản tin dự báo, cánh báo cháy rừng do tự nhiên

Tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên được ban hành khi phát hiện cấp cảnh báo cháy rừng đạt cấp 4, cấp 5 tại các địa phương theo quy định.

Điều 27. Nội dung tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên

1. Tiêu đề Tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên kèm theo tên khu vực cảnh báo.

2. Diễn biến cháy rừng đã qua: thời gian xảy ra cháy rừng, khu vực đã xảy ra cháy rừng; diện tích, mức độ cháy.

3. Dự báo, cảnh báo khu vực nguy cơ xảy ra cháy rừng: tỉnh, huyện, loại rừng; mức độ, diện tích cháy.

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do cháy rừng do tự nhiên theo quy định tại Điều 4 và Điều 54 Quyết định này.

5. Thời gian ban hành bản tin.

6. Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Điều 28. Tần suất và thời gian ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên

Tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên đầu tiên được ban hành khi phát hiện có khả năng cháy rừng trong khu vực được dự báo, cảnh báo; các tin cảnh báo, dự báo cháy rừng do tự nhiên tiếp theo được ban hành mỗi ngày 06 bản tin vào lúc: 06 giờ 00, 9 giờ 00, 12 giờ 00, 15 giờ 00, 19 giờ 00 và 21 giờ 00; trong trường hợp xảy ra cháy rừng do tự nhiên kéo dài, cần ban hành bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

Mục 7
BÁO TIN ĐỘNG ĐẤT, CẢNH BÁO SÓNG THẦN

Điều 29. Ban hành bản tin động đất

Bản tin động đất được ban hành khi:

1. Xảy ra những trận động đất có độ lớn (M) bằng hoặc lớn hơn 3,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) có ảnh hưởng đến Việt Nam.

2. Những trận động đất có độ lớn trên 6,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) xảy ra trên biển có khả năng gây ra sóng thần ảnh hưởng đến Việt Nam.

Điều 30. Nội dung tin động đất

1. Tiêu đề Tin động đất.

2. Thời gian xảy ra động đất: báo theo giờ GMT và giờ Hà Nội.

3. Địa điểm xảy ra động đất: tên địa phương, tọa độ chấn tâm, độ sâu chấn tiêu.

4. Độ lớn động đất, cường độ chấn động ở khu vực chấn tâm và các địa phương lân cận: báo theo thang MSK-64.

5. Hậu quả có thể xảy ra do động đất.

6. Cấp độ rủi ro thiên tai do động đất theo quy định tại Điều 4 và Điều 55 Quyết định này.

Điều 31. Ban hành bản tin cảnh báo sóng thần

Bản tin cảnh báo sóng thần được ban hành khi:

1. Những trận động đất có độ lớn trên 6,5 (theo thang Richter hoặc tương đương) xảy ra trên biển có khả năng gây ra sóng thần ảnh hưởng đến Việt Nam.

2. Những trận sóng thần xảy ra do động đất ở vùng biển xa, có khả năng ảnh hưởng đến Việt Nam.

Điều 32. Các loại tin cảnh báo sóng thần

1. Tin cảnh báo sóng thần được báo theo 3 mức:

a) Tin cảnh báo sóng thần mức 1: được ban hành khi phát hiện động đất mạnh, có khả năng gây sóng thần, khuyến cáo sẵn sàng sơ tán;

b) Tin cảnh báo sóng thần mức 2: được ban hành khi đã phát hiện sóng thần không có sức hủy diệt, nhưng cần đề phòng sóng lớn gây thiệt hại ở vùng ven biển, khuyến cáo sẵn sàng sơ tán;

c) Tin cảnh báo sóng thần mức 3: được ban hành khi đã phát hiện sóng thần có sức hủy diệt, phải sơ tán ngay lập tức.

2. Tin hủy cảnh báo sóng thần

Tin hủy cảnh báo sóng thần được ban hành khi sóng thần không xảy ra như đã cảnh báo.

3. Tin cuối cùng về sóng thần

Tin cuối cùng về sóng thần được ban hành khi sóng thần kết thúc hoàn toàn.

Điều 33. Nội dung tin cảnh báo sóng thần

1. Tiêu đề Tin cảnh báo sóng thần quy định tại Điều 32 Quyết định này.

2. Nhận định về sóng thần

a) Vị trí, thời gian, độ lớn, tọa độ chấn tâm, độ sâu chấn tiêu của động đất;

b) Khả năng xảy ra sóng thần, mức độ nguy hiểm và khu vực có thể bị ảnh hưởng trực tiếp của sóng thần;

c) Độ cao sóng thần tại bờ biển và thời gian sẽ ảnh hưởng.

3. Yêu cầu sơ tán tùy theo mức tin cảnh báo.

4. Cấp độ rủi ro thiên tai do sóng thần theo quy định tại Điều 4 và Điều 56 Quyết định này.

5. Thời gian ban hành bản tin.

6. Tên và chữ ký của người chịu trách nhiệm ban hành bản tin.

Mục 8
TRUYỀN TIN VỀ THIÊN TAI

Điều 34. Cung cấp tin về thiên tai

Cơ quan, tổ chức ban hành bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai quy định tại Điều 6 Quyết định này có trách nhiệm cung cấp bản tin cho các cơ quan, tổ chức được quy định tại Phụ lục IV Quyết định này.

Điều 35. Thời gian và phương thức cung cấp tin về thiên tai

1. Bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức quy định tại Phụ lục IV Quyết định này trong thời gian chậm nhất là 15 phút kể từ thời điểm hoàn thành bản tin dự báo, cảnh báo gần nhất.

2. Bản tin động đất, tin cảnh báo sóng thần được cung cấp ngay sau khi hoàn thành cho các cơ quan, tổ chức quy định tại Phụ lục IV Quyết định này.

3. Phương thức cung cấp tin về thiên tai

a) Hệ thống thông tin công cộng, bao gồm: mạng viễn thông cố định mặt đất, mạng viễn thông di động mặt đất, mạng bưu chính công cộng, mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh, hệ thống phát thanh, truyền hình trung ương và địa phương;

b) Hệ thống thông tin chuyên dùng, bao gồm: hệ thống đường dây nóng phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai; hệ thống thông tin, liên lạc, phát thanh chuyên dùng của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; hệ thống thông tin liên lạc của Bộ đội Biên phòng; hệ thống thông tin cảnh báo sóng thần, kết hợp cảnh báo thiên tai khác; hệ thống dịch vụ thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng, chống thiên tai của các doanh nghiệp viễn thông.

Điều 36. Chế độ truyền phát tin về áp thấp nhiệt đới, bão, lũ

1. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam

a) Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông, Tin bão gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông, Tin bão trên Biển Đông, Tin cảnh báo lũ và Tin lũ, tổ chức phát tin 02 giờ một lần vào đầu giờ, liên tục cả ngày và đêm trên các kênh phát sóng của Đài; trường hợp chưa nhận được tin mới thì tiếp tục phát lại tin cũ gần nhất;

b) Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, Tin bão khẩn cấp, Tin bão trên đất liền và Tin lũ khẩn cấp, tổ chức phát ngay 02 lần liên tiếp, sau đó mỗi giờ phát lại một lần vào đầu giờ, liên tục cả ngày và đêm trên các kênh phát sóng của Đài cho đến khi nhận được tin mới, hoặc khi có yêu cầu thay đổi thời gian phát tin của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Khi phát lại tin cũ, phải nhắc lại thời điểm ban hành bản tin.

2. Đối với Đài Truyền hình Việt Nam

a) Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông, Tin bão gần Biển Đông, Tin bão trên Biển Đông, Tin cảnh báo lũ và Tin lũ, tổ chức phát tin vào các chương trình thời sự gần nhất trên các kênh của Đài và sau 03 giờ phát lại một lần cho đến khi có tin mới hoặc khi có yêu cầu thay đổi thời gian phát tin của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, Tin bão khẩn cấp, Tin bão trên đất liền, Tin lũ khẩn cấp, tổ chức phát ngay trên các kênh của Đài và sau 02 giờ phát lại một lần cho đến khi có tin mới hoặc khi có yêu cầu thay đổi thời gian phát tin của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Khi phát lại tin cũ, phải nhắc lại thời điểm ban hành bản tin;

d) Khi phát tin về thiên tai, yêu cầu đưa đầy đủ, chính xác nội dung thông tin, phải chạy hàng chữ trên màn hình tóm tắt những nội dung cơ bản của bản tin.

3. Đối với Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam

a) Ứng với mỗi loại hình thiên tai, mức độ rủi ro, phạm vi ảnh hưởng, đối tượng được cảnh báo, Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam sẽ thực hiện truyền phát tin trên các phương thức, kênh tần số vô tuyến điện với tần suất thích hợp;

b) Khi nhận được Tin áp thấp nhiệt đới gần Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông, Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp, Tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, Tin bão gần Biển Đông, Tin bão trên Biển Đông, Tin bão bão khẩn cấp và Tin bão trên đất liền, Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam sẽ truyền phát tin với tần suất trung bình như sau:

- Truyền phát bằng điện thoại vô tuyến với tần suất 16 phiên/01 bản tin nguồn nhận được.

- Truyền phát bằng điện văn vô tuyến với tần suất 02 phiên/01 bản tin nguồn nhận được.

c) Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam sẽ phát liên tục trong ngày đến khi bản tin nguồn nhận được không còn hiệu lực.

Điều 37. Chế độ truyền phát tin về động đất, cảnh báo sóng thần

1. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam

a) Tin động đất được truyền phát một lần ngay sau khi tiếp nhận và phát lại vào chương trình thời sự gần nhất;

b) Tin cảnh báo sóng thần mức 1 và Tin cảnh báo sóng thần mức 2 được truyền phát ngay sau khi nhận được bản tin và phát lại 02 lần, mỗi lần cách nhau 05 phút. Sau đó cứ 30 phút, phát lại tin đã phát cho đến khi nhận được Tin cuối cùng về sóng thần hoặc Tin hủy cảnh báo sóng thần;

c) Tin cảnh báo sóng thần mức 3 được truyền phát ngay sau khi nhận được bản tin và phát lại 02 lần, mỗi lần cách nhau 05 phút. Sau đó cứ 20 phút, phát lại tin đã phát cho đến khi nhận được Tin cuối cùng về sóng thần;

d) Tin cuối cùng về sóng thần hoặc Tin hủy cảnh báo sóng thần được truyền phát một lần ngay sau khi nhận được bản tin và phát lại vào chương trình thời sự gần nhất.

2. Đối với Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam và hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần

a) Tin cảnh báo sóng thần mức 1 và Tin cảnh báo sóng thần mức 2 được truyền phát ngay sau khi nhận được bản tin và phát 02 lần, mỗi lần cách nhau 5 phút. Sau

đó cứ 15 phút, phát lại tin đã phát cho đến khi nhận được Tin cuối cùng về sóng thần hoặc Tin hủy cảnh báo sóng thần;

b) Tin cảnh báo sóng thần mức 3 được truyền phát ngay sau khi nhận được bản tin và liên tục phát lại, mỗi lần cách nhau 05 phút cho đến khi nhận được Tin cuối cùng về sóng thần;

c) Tin cuối cùng về sóng thần hoặc Tin hủy cảnh báo sóng thần được truyền phát ngay sau khi nhận được bản tin và nhắc lại một lần sau đó 5 phút.

Điều 38. Chế độ truyền phát tin về dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên

1. Đối với Đài Tiếng nói Việt Nam

a) Khi nhận được tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên tại khu vực trọng điểm, tổ chức phát các bản tin trên các kênh phát sóng của Đài vào các khung giờ khác nhau; trường hợp chưa nhận được tin mới thì tiếp tục phát lại tin cũ gần nhất; hoặc khi có yêu cầu thay đổi thời gian phát tin của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Khi phát lại tin cũ, phải nhắc lại thời điểm ban hành bản tin.

2. Đối với Đài Truyền hình Việt Nam

a) Khi nhận được tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên tại khu vực trọng điểm, tổ chức phát tin vào các chương trình thời sự gần nhất trên các kênh của Đài và sau 03 giờ phát lại một lần cho đến khi có tin mới hoặc khi có yêu cầu thay đổi thời gian phát tin của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Khi phát tin về dự báo, cảnh báo cháy rừng, yêu cầu đưa đầy đủ, chính xác nội dung thông tin, phải chạy hàng chữ trên màn hình tóm tắt những nội dung cơ bản của bản tin.

Điều 39. Chế độ truyền phát tin về các loại thiên tai khác

1. Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước dâng, mưa lớn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nắng nóng, hạn hán và sạt lở đất, sụt lún

đất do hạn hán, xâm nhập mặn, gió mạnh trên biển, sương mù, lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối nếu được lồng ghép trong các bản tin dự báo thời tiết, bản tin dự báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ thì việc truyền phát tin thực hiện theo chế độ truyền phát tin của bản tin chính.

2. Tin dự báo, cảnh báo sóng lớn, nước biển dâng do áp thấp nhiệt đới, bão, mưa lớn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nắng nóng, hạn hán và sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán, xâm nhập mặn, gió mạnh trên biển, sương mù, lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối nếu được biên soạn thành bản tin độc lập thì việc truyền phát tin thực hiện theo yêu cầu của cơ quan ban hành bản tin.

Điều 40. Chế độ truyền phát tin khi ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai

Truyền tin tình trạng khẩn cấp về thiên tai trong trường hợp ban bố tình trạng khẩn cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp trong các trường hợp có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm.

Điều 41. Việc truyền phát tin về thiên tai của các tổ chức và cá nhân

Các tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại Điều 36, Điều 37 và Điều 38 Quyết định này được khuyến khích truyền phát các bản tin thiên tai chính thức do các cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 6 Quyết định này cung cấp hoặc các bản tin do Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam đã phát.

Chương III
CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

Điều 42. Cấp độ rủi ro thiên tai do áp thấp nhiệt đới, bão

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 3 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo áp thấp nhiệt đới, bão cấp 8, cấp 9 hoạt động trên Biển Đông (bao gồm cả khu vực quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa); vùng biển ven bờ; đất liền khu vực Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ;

b) Dự báo bão mạnh cấp 10, cấp 11 hoạt động trên Biển Đông (bao gồm cả khu vực quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa); vùng biển ven bờ, đất liền khu vực Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên;

c) Dự báo bão rất mạnh cấp 12, cấp 13 hoạt động trên Biển Đông (bao gồm cả khu vực quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa).

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 4 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo bão mạnh cấp 10, cấp 11 hoạt động trên đất liền khu vực Nam Bộ;

b) Dự báo bão rất mạnh cấp 12, cấp 13 hoạt động trên vùng biển ven bờ, đất liền khu vực Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên;

c) Dự báo bão rất mạnh từ cấp 14, cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ; đất liền khu vực Đông Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ;

d) Dự báo bão từ cấp 14 trở lên hoạt động trên Biển Đông (bao gồm cả khu vực quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa).

3. Rủi ro thiên tai cấp độ 5 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo bão rất mạnh cấp 12, cấp 13 hoạt động trên đất liền khu vực Nam Bộ;

b) Dự báo bão rất mạnh cấp 14, cấp 15 hoạt động trên đất liền các khu vực Tây Bắc, Việt Bắc, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ;

c) Dự báo siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên vùng biển ven bờ; đất liền khu vực Tây Bắc, Việt Bắc, Đông Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ.

Điều 43. Cấp độ rủi ro thiên tai do nước dâng

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ 1 m đến 2 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Quảng Bình đến Bình Định; từ tỉnh Cà Mau đến Kiên Giang;

b) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 2 m đến 3 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Nghệ An đến Hà Tĩnh; từ tỉnh Phú Yên đến Cà Mau;

c) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 3 m đến 4 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Quảng Ninh đến Thanh Hóa.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 3 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 2 m đến 3 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Quảng Bình đến Bình Định; từ tỉnh Cà Mau đến Kiên Giang;

b) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 3 m đến 4 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Nghệ An đến Hà Tĩnh; từ tỉnh Bình Thuận đến Cà Mau;

c) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 4 m đến 5 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Quảng Ninh đến Thanh Hóa;

d) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao trên 3 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Phú Yên đến Ninh Thuận.

3. Rủi ro thiên tai cấp độ 4 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 3 m đến 4 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế;

b) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 4 m đến 5 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Nghệ An đến Thừa Thiên Huế;

c) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao từ trên 5 m đến 6 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Quảng Ninh đến Hà Tĩnh;

d) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao trên 3 m cho các khu vực ven biển từ thành phố Đà Nẵng đến Bình Định; từ tỉnh Cà Mau đến Kiên Giang;

đ) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao trên 4 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Bình Thuận đến Cà Mau.

4. Rủi ro thiên tai cấp độ 5 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao trên 5 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế;

b) Dự báo độ cao nước dâng kết hợp với thủy triều gây ra mực nước tổng cộng cao trên 6 m cho các khu vực ven biển từ tỉnh Quảng Ninh đến Hà Tĩnh.

Điều 44. Cấp độ rủi ro thiên tai do mưa lớn

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1 khi dự báo lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ, kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở khu vực trung du, miền núi, đồng bằng, ven biển trên phạm vi dưới 1/2 số huyện, xã của 1 tỉnh hoặc nhiều tỉnh không liền kề.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ, kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày ở khu vực trung du, miền núi và kéo dài trên 2 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển trên phạm vi hơn 1/2 số huyện, xã của 1 tỉnh;

b) Dự báo lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi, đồng bằng, ven biển trên phạm vi hơn 1/2 số huyện, xã của 1 tỉnh.

3. Rủi ro thiên tai cấp độ 3 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài trên 4 ngày ở khu vực trung du, miền núi trong phạm vi nhiều tỉnh khác nhau;

b) Dự báo lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài trên 2 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển trong phạm vi nhiều tỉnh khác nhau;

c) Dự báo lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài từ 1 ngày đến 4 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển trong phạm vi nhiều tỉnh khác nhau.

4. Rủi ro thiên tai cấp độ 4 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài trên 4 ngày ở khu vực trung du, vùng núi trong phạm vi nhiều tỉnh khác nhau;

b) Dự báo lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài trên 4 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển trong phạm vi nhiều tỉnh khác nhau.

Điều 45. Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3 trên một lưu vực sông;

b) Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1 trên một lưu vực sông.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 4 trên một lưu vực sông;

b) Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 2, khu vực 3 trên một lưu vực sông;

c) Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 3 đến dưới báo động 3 cộng 1,0 m tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1, khu vực 2 trên một lưu vực sông;

d) Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1 hoặc mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 2, khu vực 3 trên nhiều lưu vực sông.

3. Rủi ro thiên tai cấp độ 3 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 0,3 m tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 4;

b) Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 3 trở lên tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 3;

c) Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 3 cộng 1,0 m trở lên tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1, khu vực 2;

d) Dự báo mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 4 hoặc mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 3 hoặc mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 1,0 m tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 2 hoặc mực nước lũ cao từ báo động 3 đến dưới báo động 3 cộng 1,0 m tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1 trên nhiều lưu vực sông.

4. Rủi ro thiên tai cấp độ 4 xảy ra khi dự báo mực nước lũ cao từ báo động 3 cộng 0,3 m đến lũ lịch sử tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 4.

5. Rủi ro thiên tai cấp độ 5 xảy ra khi dự báo mực nước lũ cao vượt lũ lịch sử tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 4.

6. Danh sách các trạm thủy văn thuộc các khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3 và khu vực 4 được quy định chi tiết tại Phụ lục XIII Quyết định này.

7. Trường hợp trong khu vực dự báo có nhiều vùng có cấp độ rủi ro thiên tai ở các mức khác nhau thì lấy cấp độ rủi ro theo mức cao nhất.

8. Những nơi có công trình phòng, chống lũ, mức lũ lịch sử được thay bằng mức lũ thiết kế.

9. Căn cứ nhu cầu thực tế về công tác phòng, chống thiên tai, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định cấp độ rủi ro thiên tai cho các trạm thủy văn (vị trí báo lũ) trên địa bàn quản lý chưa được quy định trong Quyết định này.

Điều 46. Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1 gồm các trường hợp sau:

a) Cảnh báo tổng lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 ngày đến 2 ngày tại vùng có nguy cơ thấp hoặc trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 1; vùng có nguy cơ trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 2; vùng có nguy cơ cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3; vùng có nguy cơ cao đến rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 4;

b) Cảnh báo tổng lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ thấp thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 3; tại vùng có nguy cơ cao thuộc các tỉnh trong khu vực 4;

c) Cảnh báo tổng lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ thấp thuộc các tỉnh trong khu vực 3; tại vùng có nguy cơ trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 4.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 gồm các trường hợp sau:

a) Cảnh báo tổng lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 ngày đến 2 ngày tại vùng có nguy cơ cao thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3;

b) Cảnh báo tổng lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3; tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 4;

c) Cảnh báo tổng lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ thấp hoặc trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ trung bình hoặc cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3; tại vùng có nguy cơ cao hoặc rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 4.

3. Rủi ro thiên tai cấp độ 3 gồm các trường hợp sau:

a) Cảnh báo tổng lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 ngày đến 2 ngày tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2;

b) Cảnh báo tổng lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ cao hoặc rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3;

c) Cảnh báo tổng lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ cao hoặc rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3.

4. Trường hợp khu vực cảnh báo xuất hiện nhiều vùng có cấp độ rủi ro thiên tai ở các mức khác nhau thì lấy cấp độ rủi ro theo mức cao nhất.

5. Danh sách các tỉnh thuộc các khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3 và khu vực 4 được quy định tại Bảng 5 Phụ lục XII Quyết định này.

Điều 47. Cấp độ rủi ro thiên tai do nắng nóng

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ 35°C đến 37°C, kéo dài từ 3 ngày trở lên;

b) Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37^{o}C đến 39°C, kéo dài từ 3 ngày tới 25 ngày ở khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ hoặc kéo dài từ 3 ngày tới 10 ngày ở khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ;

c) Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C, kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày ở khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ;

d) Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C, kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày ở khu vực Trung Bộ.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 39°C, kéo dài từ trên 10 ngày đến 25 ngày ở khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ hoặc kéo dài trên 25 ngày ở khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ;

b) Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C, kéo dài từ 3 ngày đến 10 ngày ở khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ hoặc kéo dài từ trên 5 ngày đến 25 ngày ở khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ;

c) Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C, kéo dài từ 3 ngày đến 10 ngày ở khu vực Bắc Bộ; kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày ở khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ hoặc kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày ở khu vực Trung Bộ.

3. Rủi ro thiên tai cấp độ 3 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 39°C, kéo dài trên 25 ngày ở khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ;

b) Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C, kéo dài trên 10 ngày đến 25 ngày ở khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ hoặc kéo dài trên 25 ngày ở khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ;

c) Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C, kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày ở khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ hoặc kéo dài từ trên 10 ngày đến 25 ngày ở khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ.

4. Rủi ro thiên tai cấp độ 4 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C, kéo dài trên 25 ngày tại khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ;

b) Dự báo đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C, kéo dài từ trên 10 ngày ở khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ hoặc kéo dài trên 25 ngày ở khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ.

Điều 48. Cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán hoặc sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm ở các khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ;

b) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm ở khu vực Bắc Bộ;

c) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ trên 3 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm ở các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm ở các khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ;

b) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ trên 3 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm ở các khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ;

c) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ trên 3 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm ở khu vực Bắc Bộ;

d) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm ở các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ.

3. Rủi ro thiên tai cấp độ 3 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm ở các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ;

b) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ trên 3 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm ở các khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ;

c) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm ở các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ;

d) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm ở các khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ.

4. Rủi ro thiên tai cấp độ 4 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm ở các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ;

b) Dự báo tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm ở các khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ.

Điều 49. Cấp độ rủi ro thiên tai do xâm nhập mặn

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo ranh giới độ mặn 1‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 25 km đến 50 km tính từ cửa sông;

b) Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ 15 km đến 25 km tính từ cửa sông ở khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo ranh giới độ mặn 1‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 50 km đến 90 km tính từ cửa sông;

b) Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 25 km đến 50 km tính từ cửa sông ở khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ hoặc từ 15 km đến 25 km tính từ cửa sông ở khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

3. Rủi ro thiên tai cấp độ 3 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo ranh giới độ mặn 1‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông trên 90 km tính từ cửa sông;

b) Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 25 km đến 50 km tính từ cửa sông ở khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ hoặc từ trên 50 km đến 90 km tính từ cửa sông ở khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ.

4. Rủi ro thiên tai cấp độ 4 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 50 km đến 90 km tính từ cửa sông ở khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ;

b) Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông tới hơn 90 km tính từ cửa sông.

5. Đối với những khu vực ven biển có thời gian xảy ra tình trạng xâm nhập mặn thường xuyên trong năm hoặc có trên 2/3 diện tích bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn, việc ban hành cấp độ rủi ro sẽ do Bộ Tài nguyên và Môi trường và các tỉnh liên quan phối hợp xác định.

Điều 50. Cấp độ rủi ro thiên tai do gió mạnh trên biển

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo gió mạnh trên biển cấp 6 xảy ra trên vùng biển ven bờ;

b) Dự báo gió mạnh trên biển từ cấp 7 đến cấp 8 xảy ra trên vùng biển ngoài khơi (bao gồm cả các đảo, quần đảo).

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 3 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo gió mạnh trên biển từ cấp 7 trở lên xảy ra trên vùng biển ven bờ;

b) Dự báo gió mạnh trên biển từ cấp 9 trở lên trên vùng biển ngoài khơi (bao gồm cả các đảo, quần đảo).

Điều 51. Cấp độ rủi ro thiên tai do sương mù

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1 gồm các trường hợp sau:

a) Cảnh báo sương mù dày đặc, tầm nhìn xa từ 50 m trở lên, gây nguy hiểm cho các phương tiện giao thông trên đường cao tốc hoặc khu vực sân bay;

b) Cảnh báo sương mù dày đặc, tầm nhìn xa dưới 50 m, gây nguy hiểm cho các phương tiện giao thông trên biển, trên sông hoặc đường đèo núi.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 xảy ra khi cảnh báo sương mù dày đặc, tầm nhìn xa dưới 50 m, gây nguy hiểm cho các phương tiện giao thông trên đường cao tốc hoặc khu vực sân bay.

Điều 52. Cấp độ rủi ro thiên tai do lốc, sét, mưa đá

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1 xảy ra khi cảnh báo lốc, sét, mưa đá xảy ra trên phạm vi dưới 1/2 số huyện, xã trong phạm vi 1 tỉnh hoặc nhiều tỉnh không liền kề.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 xảy ra khi cảnh báo lốc, sét, mưa đá xảy ra trong phạm vi từ 1/2 số huyện, xã trở lên của 1 tỉnh.

Điều 53. Cấp độ rủi ro thiên tai do rét hại, sương muối

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ trên 8°c đến 13°c, kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ hoặc kéo dài trên 10 ngày ở vùng núi, trung du Bắc Bộ;

b) Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ trên 4°C đến 8°C, kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày ở vùng núi, trung du Bắc Bộ;

c) Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ 0°C đến 4°C, kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày ờ vùng núi, trung du Bắc Bộ;

d) Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ 8°C trở xuống, kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ trên 8°C đến 13°C, kéo dài trên 10 ngày ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ;

b) Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ trên 4°C đến 8°C, kéo dài trên 10 ngày ở vùng núi, trung du Bắc Bộ;

c) Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ 8°C trở xuống, kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ;

d) Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ 0°C đến 4°C, kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày ở vùng núi, trung du Bắc Bộ;

đ) Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày dưới 0°C, kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày ở vùng núi, trung du Bắc Bộ.

3. Rủi ro thiên tai cấp độ 3 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ 8°C trở xuống, kéo dài trên 10 ngày ở đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ;

b) Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày từ 4°C trở xuống, kéo dài trên 10 ngày ở vùng núi, trung du Bắc Bộ;

c) Dự báo đợt rét hại với nhiệt độ không khí trung bình ngày dưới 0°C, kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày ở vùng núi, trung du Bắc Bộ.

Điều 54. Cấp độ rủi ro thiên tai do cháy rừng do tự nhiên

1. Rủi ro cháy rừng cấp độ 1 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày dưới 35°C kéo dài liên tiếp không quá 25 ngày hoặc nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 15 ngày ở vùng 2;

b) Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 10 ngày ở vùng 3 hoặc vùng 4.

2. Rủi ro cháy rừng cấp độ 2 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp trên 35 ngày dẫn đến khô cạn nước ở vùng 1;

b) Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 35 ngày ở vùng 2;

c) Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C dài liên tiếp không quá 15 ngày ở vùng 3 hoặc vùng 4.

3. Rủi ro cháy rừng cấp độ 3 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 35 ngày ở vùng 2;

b) Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp không quá 25 ngày ở vùng 3 hoặc vùng 4.

4. Rủi ro cháy rừng cấp độ 4 gồm các trường hợp sau:

a) Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp trên 35 ngày ở vùng 3;

b) Dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp trên 25 ngày ở vùng 4.

5. Rủi ro cháy rừng cấp độ 5 xảy ra khi dự báo nhiệt độ cao nhất ngày trên 35°C kéo dài liên tiếp trên 35 ngày ở vùng 4.

6. Phân vùng trọng điểm cháy rừng do tự nhiên ở Việt Nam theo vùng 1, vùng 2, vùng 3 và vùng 4 được quy định tại Bảng 11 Phụ lục XII Quyết định này.

Điều 55. Cấp độ rủi ro thiên tai do động đất

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1 khi cường độ chấn động trên mặt đất quan trắc được từ cấp V đến cấp VI, xảy ra ở bất kỳ khu vực nào thuộc lãnh thổ Việt Nam.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 khi cường độ chấn động trên mặt đất quan trắc được từ cấp VI đến cấp VII, xảy ra ở khu vực nông thôn, khu vực đô thị.

3. Rủi ro thiên tai cấp độ 3 khi cường độ chấn động trên mặt đất quan trắc được từ cấp VI đến cấp VII, xảy ra ở khu vực có các hồ chứa thủy lợi, hồ chứa thủy điện; hoặc cường độ chấn động trên mặt đất quan trắc được từ cấp VII đến cấp VIII xảy ra ở khu vực nông thôn.

4. Rủi ro thiên tai cấp độ 4 khi cường độ chấn động trên mặt đất quan trắc được từ cấp VII đến cấp VIII, xảy ra ở khu vực đô thị hoặc khu vực có các hồ chứa thủy lợi, hồ chứa thủy điện.

5. Rủi ro thiên tai cấp độ 5 khi cường độ chấn động trên mặt đất quan trắc được lớn hơn cấp VIII, xảy ra ở bất kỳ khu vực nào thuộc lãnh thổ Việt Nam.

Điều 56. Cấp độ rủi ro thiên tai do sóng thần

1. Rủi ro thiên tai cấp độ 1 khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng dưới 2 m và cường độ sóng thần cấp VI.

2. Rủi ro thiên tai cấp độ 2 khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 2 m đến dưới 4 m và cường độ sóng thần từ cấp VII đến cấp VIII.

3. Rủi ro thiên tai cấp độ 3 khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 4 m đến dưới 8 m và cường độ sóng thần từ cấp IX đến cấp X.

4. Rủi ro thiên tai cấp độ 4 khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 8 m đến dưới 16 m và cường độ sóng thần cấp XI.

5. Rủi ro thiên tai cấp độ 5 khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng trên 16 m và cường độ sóng thần cấp XII.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC DỰ BÁO, CẢNH BÁO VÀ TRUYỀN TIN VỀ THIÊN TAI

Điều 57. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

1. Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai

a) Tổ chức việc tiếp nhận, xử lý các bản tin báo tin động đất, bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Chỉ đạo Văn phòng thường trực của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai cập nhật, cung cấp thông tin thực tế về thiệt hại của thiên tai cho cơ quan dự báo, cảnh báo; định kỳ hằng năm cung cấp cho Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường các thông tin tổng hợp về thiên tai, tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung việc phân cấp độ rủi ro thiên tai;

c) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đánh giá hiệu quả của bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai; tính kịp thời của các bản tin khi đến người sử dụng; kiến nghị điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp hoặc còn thiếu nhằm hoàn thiện hoạt động dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai.

2. Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

a) Tiếp nhận và xử lý theo chức năng, nhiệm vụ các tin dự báo, cảnh báo thiên tai do Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Vật lý địa cầu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

b) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đánh giá hiệu quả của bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai; tính kịp thời của các bản tin khi đến người sử dụng; kiến nghị điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp hoặc còn thiếu nhằm hoàn thiện hoạt động dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai, phù hợp với yêu cầu ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn.

Điều 58. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp độ rủi ro thiên tai, dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai, không bao gồm thiên tai quy định tại khoản 7 Điều 3 Quyết định này;

b) Chỉ đạo Tổng cục Khí tượng Thủy văn ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Khí tượng Thủy văn và cung cấp kịp thời các tin dự báo, cảnh báo thiên tai cho các cơ quan, tổ chức theo quy định;

c) Hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn; tăng cường đầu tư phương tiện, thiết bị, công nghệ để phục vụ công tác dự báo, cảnh báo thiên tai;

d) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dự báo, cảnh báo thiên tai; bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác dự báo, cảnh báo thiên tai;

đ) Tổ chức tiếp nhận thông tin phản hồi của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân về chế độ phát tin, chất lượng, độ tin cậy của bản tin dự báo, cảnh báo, việc sử dụng cấp độ rủi ro thiên tai trong các hoạt động phòng, chống, ứng phó với thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội; định kỳ hằng năm theo dõi, đánh giá, tổng hợp tình hình quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn trên phạm vi cả nước;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức đánh giá chất lượng các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo thiên tai;

g) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương tổ chức thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về khai thác, sử dụng bản tin dự báo, cánh báo thiên tai và rủi ro thiên tai;

h) Chủ trì tổ chức thẩm định các kịch bản cảnh báo sóng thần đối với Việt Nam, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp độ rủi ro thiên tai, dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai cháy rừng do tự nhiên;

b) Chỉ đạo Tổng cục Lâm nghiệp ban hành bản tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên; cung cấp kịp thời các tin dự báo, cảnh báo cháy rừng cho các cơ quan, tổ chức quy định tại Phụ lục IV và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Lâm nghiệp;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng, vận hành và tổ chức truyền phát tin cảnh báo sóng thần trên hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần;

đ) Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân quản lý các hồ thủy lợi, hồ thủy điện trong phạm vi quản lý của bộ thực hiện quy định về cung cấp thông tin về hồ chứa theo quy định;

đ) Tổ chức xây dựng, lắp đặt trạm hoặc bổ sung thêm các thiết bị quan trắc khí tượng để phục vụ công tác dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên.

3. Bộ Quốc phòng

a) Chỉ đạo các đơn vị có liên quan trực thuộc bộ truyền phát kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai trên hệ thống thông tin liên lạc do Bộ quản lý;

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng và quản lý vận hành hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chỉ đạo các đơn vị phối hợp với Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan thực hiện bắn pháo hiệu và vận hành cột tín hiệu báo áp thấp nhiệt đới, bão theo quy định tại Phụ lục V và Phụ lục VII Quyết định này.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành quy hoạch, phân bổ tần số phục vụ công tác dự báo, cảnh báo thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên biển;

b) Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông nâng cao tốc độ, chất lượng các đường truyền kết nối giữa cơ quan ban hành bản tin dự báo, cảnh báo đến cơ quan truyền tin về thiên tai, cơ quan chỉ đạo phòng, chống và đến cộng đồng; mở rộng vùng phủ sóng trên biển, các đảo, vùng sâu, vùng xa;

c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động báo chí trong cả nước để tin dự báo, cảnh báo thiên tai đăng tải trên trên các phương tiện thông tin đại chúng đảm bảo chất lượng, nhanh chóng, đầy đủ và chính xác;

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan, chỉ đạo công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức về thiên tai, hướng dẫn sử dụng tin dự báo, cảnh báo thiên tai;

đ) Chỉ đạo doanh nghiệp thông tin di động nhắn tin theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

5. Bộ Giao thông vận tải

Chỉ đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam thực hiện việc phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai trên các kênh thông tin của Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam theo quy định; nâng cao chất lượng phát sóng và tăng cường vùng phủ sóng thông tin trên biển và cho các đảo xa đất liền.

6. Bộ Công Thương

Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân quản lý các hồ thủy điện trong phạm vi quản lý của bộ thực hiện quy định về cung cấp thông tin về hồ chứa theo quy định.

7. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

a) Chỉ đạo Viện Vật lý địa cầu xây dựng, quản lý mạng lưới quan trắc phục vụ báo tin động đất, cảnh báo sóng thần; cập nhật, hoàn thiện các kịch bản cảnh báo sóng thần; ban hành các bản tin động đất, cảnh báo sóng thần; cung cấp tin động đất, cảnh báo sóng thần cho các cơ quan, tổ chức quy định tại Phụ lục IV và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Viện Vật lý địa cầu;

b) Nghiên cứu, đề xuất các phương pháp, giải pháp khoa học công nghệ trong công tác báo tin động đất, cảnh báo sóng thần;

c) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến kiến thức về rủi ro thiên tai động đất, sóng thần và hướng dẫn sử dụng tin động đất, cảnh báo sóng thần.

8. Các bộ, ngành khác

a) Ngay sau khi có bản tin dự báo, cảnh báo đầu tiên về thiên tai, trong phạm vi quản lý của mình, chủ động cung cấp cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và các cơ quan có liên quan những thông tin về các khu vực, các lĩnh vực hoạt động nhạy cảm, dễ bị tác động bởi thiên tai để tổ chức dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai có hiệu quả;

b) Truyền phát ngay các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc để chủ động phòng, tránh;

c) Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện các quy định của pháp luật về cấp độ rủi ro thiên tai, dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

Điều 59. Trách nhiệm của các cơ quan thông tấn, báo chí

1. Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam

a) Tổ chức truyền phát tin về thiên tai theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39 và Điều 40 Quyết định này;

b) Trong các chương trình thời sự phát đầy đủ, chính xác nội dung các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 15, Điều 18, Điều 21, Điều 24, Điều 27, Điều 30 và Điều 33; trong các bản tin chuyên đề, bình luận theo chương trình của Đài, được biên tập lại một phần bản tin về thiên tai, nhưng không được làm sai lệch nội dung của bản tin;

c) Phối hợp với Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện

Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình nhằm tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cộng đồng về thiên tai và khai thác sử dụng hiệu quả các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

d) Thông báo kịp thời cho các cơ quan cung cấp bản tin thiên tai ý kiến phản hồi của khán giả, thính giả về chất lượng, nội dung, hình thức các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và diễn biến thiên tai thực tế.

2. Đài phát thanh, truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Phát lại các bản tin dự báo, cảnh báo gần nhất về thiên tai do Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam đã phát. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không nằm trong vùng xảy ra thiên tai, có thể biên tập một phần bản tin cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương;

b) Phát tin dự báo, cảnh báo về thiên tai do Tổng cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã chi tiết hóa cho các địa phương cung cấp trong chương trình thời sự gần nhất của Đài;

c) Phối hợp với các cơ quan, sở, ngành có liên quan xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình nhằm tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cộng đồng về thiên tai tại địa phương và khai thác sử dụng hiệu quả các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

3. Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam

Tổ chức phát tin về thiên tai theo quy định tại khoản 3 Điều 36, khoản 2 Điều 37 và Điều 40 Quyết định này.

4. Các cơ quan báo chí

Đưa tin đầy đủ, chính xác nội dung các bản tin quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 15, Điều 18, Điều 21, Điều 24, Điều 27, Điều 30 và Điều 33 Quyết định này. Trong các bản tin chuyên đề, bình luận được biên tập lại một phần bản tin về thiên tai, nhưng không được làm sai lệch nội dung của bản tin.

Điều 60. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, các cơ sở phát thanh cấp huyện, thị xã thực hiện các quy định truyền tin về thiên tai;

b) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kiểm tra việc thực hiện các quy định về cung cấp thông tin của chủ các công trình hồ chứa theo quy định;

c) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan tuyên truyền, phổ biến kiến thức về thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai; dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh; chỉ đạo các cơ sở phát thanh cấp huyện, thị xã thực hiện các quy định truyền tin về thiên tai có liên quan trực tiếp đến địa phương.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện; chỉ đạo Đài truyền thanh cấp xã thực hiện các quy định của pháp luật về cấp độ rủi ro thiên tai, dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai có liên quan trực tiếp đến địa phương; tuyên truyền, phổ biến đến từng cộng đồng dân cư để chủ động trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thiệt hại do thiên tai trên địa bàn.

Điều 61. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý phương tiện hoạt động trên biển, phương tiện thông tin cá nhân

1. Trang bị các thiết bị thông tin cần thiết để tiếp nhận tin dự báo, cảnh báo thiên tai; duy trì thông tin liên lạc giữa các chủ phương tiện với nhau và với Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng và các hệ thống thông tin khác.

2. Khi nhận được tin dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão và tin cảnh báo sóng thần, phải thông báo ngay số lượng người, vị trí hoạt động và số hiệu của tàu, thuyền trên biển cho Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng và các hệ thống thông tin khác để kịp thời hướng dẫn di chuyển, phòng tránh.

3. Khi phát hiện có hiện tượng thiên tai trên biển, phải thông báo ngay cho Hệ thống Thông tin Duyên hải Việt Nam và hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng.

4. Tổ chức, cá nhân có các phương tiện thông tin đã được cấp phép sử dụng, được phép truyền tin về thiên tai, chịu trách nhiệm bảo đảm độ chính xác, tin cậy của bản tin do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 62. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

2. Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai và Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 63. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Trưởng ban Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức công bố, hướng dẫn việc thực hiện Quyết định; theo dõi, tổng hợp, báo cáo khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quyết định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

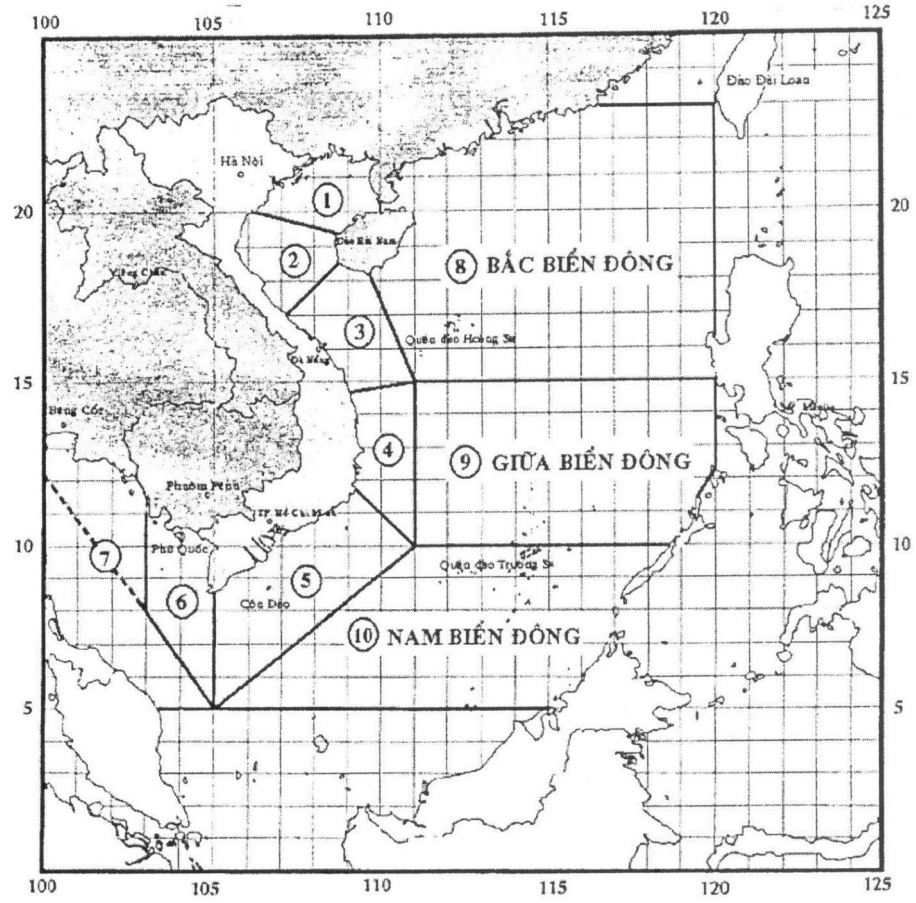
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Văn Thành

Phụ lục I

SƠ ĐỒ KHU VỰC THEO DÕI VÀ DỰ BÁO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO

(Kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)



Chú thích:

① Bắc Vịnh Bắc Bộ

② Nam Vịnh Bắc Bộ

③ Vùng biển từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi

④ Vùng biển từ Bình Định đến Ninh Thuận

⑤ Vùng biển từ Bình Thuận đến Cà Mau

⑥ Vùng biển từ Cà Mau đến Kiên Giang

⑦ Vịnh Thái Lan

⑧ Bắc Biển Đông

⑨ Giữa Biển Đông

⑩ Nam Biển Đông

Phụ lục II

DANH SÁCH CÁC SÔNG DO TỔNG CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN THỰC HIỆN DỰ BÁO, CẢNH BÁO LŨ

(Kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tỉnh/Thành phố	Lưu vực sông	Trạm thủy văn
I	**Khu vực Tây Bắc**		
1	Sơn La	Mã	Xã Là
2		Nậm Pàn	Hát Lót
3	Lai Châu	Nậm Bum	Nà Hừ
4	Điên Biên	Nậm Rốm	Mường Thanh
5		Nậm Nưa	Bản Yên
6	Hòa Bình	Đà	Hòa Bình
7			Hồ Hòa Bình (*)
8		Bôi	Hưng Thi
9		Bùi	Lâm Sơn
II	**Khu vực Việt Bắc**		
1	Phú Thọ	Lô	Vụ Quang
2		Thao	Phú Thọ
3		Lô	Việt Trì
4	Lào Cai	Thao	Lào Cai
5		Chảy	Báo Yên (Long Phúc)
6	Yên Bái	Thao	Yên Bái
7		Ngòi Thia	Ngòi Thia
8	Hà Giang	Lô	Hà Giang
9			Vĩnh Tuy

TT	Tỉnh/Thành phố	Lưu vực sông	Trạm thủy văn
10	Tuyên Quang	Lô	Tuyên Quang
11		Gâm	Chiêm Hóa
12	Bắc Kạn	Cầu	Bắc Kạn
13			Thác Giềng
14	Thái Nguyên	Cầu	Gia Bảy
15	Vĩnh Phúc	Phó Đáy	Quảng Cư
III	**Khu vực Đông Bắc**		
1	Hải Phòng	Luộc	Chanh Chử
2		Văn Úc	Trung Trang
3		Bạch Đằng	Do Nghi
4		Lạch Tray	Kiến An
5		Cấm	Cửa Cấm
6	Cao Bằng	Bằng Giang	Bằng Giang
7		Gâm	Bảo Lạc
8	Lạng Sơn	Kỳ Cùng	Lạng Sơn
9		Trung	Hữu Lũng
10		Bắc Giang	Văn Mịch
11	Bắc Giang	Thương	Phủ Lạng Thương
12			Cầu Sơn
13		Lục Nam	Lục Nam
14			Chũ
15			Cẩm Đàn
16	Bắc Ninh	Đuống	Bến Hồ
17		Cầu	Đáp Cầu
18			Phúc Lộc Phương

TT	Tỉnh/Thành phố	Lưu vực sông	Trạm thủy văn
19	Quảng Ninh	Tiên Yên	Bình Liêu
20		Đá Bạch	Đồn Sơn
21		Kinh Thầy	Bến Triều
IV	**Khu vực đồng bằng Bắc Bộ**		
1	Hà Nội	Hồng	Sơn Tây
2			Hà Nội
3		Đáy	Ba Thá
4		Đà	Trung Hà
5		Đuống	Thượng Cát
6	Hải Dương	Kinh Môn	An Phụ
7		Gùa	Bá Nha
8		Thái Bình	Phả Lại
9		Rạng	Quảng Đạt
10	Hưng Yên	Hồng	Hưng Yên
11		Luộc	La Tiến
12	Thái Bình	Trà Lý	Thành phố Thái Bình
13		Hồng	Tiến Đức
14			Ba Lạt
15		Luộc	Triều Dương
16		Trà Lý	Đông Quý
17	Nam Định	Đào	Nam Định
18		Ninh Cơ	Trực Phương
19			Phú Lễ

TT	Tỉnh/Thành phố	Lưu vực sông	Trạm thủy văn
20	Ninh Bình	Hoàng Long	Bến Đế
21			Gián Khẩu
22		Đáy	Ninh Bình
23			Như Tân
24	Hà Nam	Đáy	Phủ Lý
V	**Khu vực Bắc Trung Bộ**		
1	Nghệ An	Hiếu	Nghĩa Khánh
2		Cả	Con Cuông
3			Dừa
4			Đô Lương
5			Nam Đàn
6		Lam	Chợ Tràng
7	Thanh Hóa	Mã	Cẩm Thủy
8			Lý Nhân
9			Giàng
10		Chu	Bái Thượng
11			Xuân Khánh
12		Bưởi	Kim Tân
13		Lèn	Lèn
14		Yên	Chuối
15	Hà Tĩnh	Ngàn Sâu	Chu Lễ
16			Hòa Duyệt
17		Ngàn Phố	Sơn Diệm
18		La	Linh Cảm
19		Rào Cái	Thạch Đồng

TT	Tỉnh/Thành phố	Lưu vực sông	Trạm thủy văn
VI	**Khu vực Trung Trung Bộ**		
1	Quảng Bình	Gianh	Đồng Tâm
2			Mai Hóa
3		Kiến Giang	Kiến Giang
4			Lệ Thủy
5	Quảng Trị	Hiếu	Đông Hà
6		Thạch Hãn	Thạch Hãn
7		Bến Hải	Gia Vòng
8			Hiền Lương
9	Thừa Thiên Huế	Hương	Huế (Kim Long)
10		Bồ	Phú Ốc
11		Ô Lâu	Phong Bình
12		Truồi	Cầu Truồi
13	Quảng Nam	Vu Gia	Hội Khách
14			Ái Nghĩa
15		Thu Bồn	Giao Thủy
16			Câu Lâu
17			Hội An
18		Tam Kỳ	Tam Kỳ
19	Đà Nẵng	Hàn	Cẩm Lệ
20	Quảng Ngãi	Trà Khúc	Trà Khúc
21		Vệ	An Chi
22			Sông Vệ
23		Trà Câu	Trà Câu
24		Trà Bồng	Châu Ô

TT	Tỉnh/Thành phố	Lưu vực sông	Trạm thủy văn
VII	**Khu vực Nam Trung Bộ**		
1	Khánh Hòa	Cái Nha Trang	Đồng Trăng
2		Dinh Ninh Hòa	Ninh Hòa
3	Bình Định	Lại Giang	An Hòa
4		Lại Giang	Bồng Sơn
5		Kôn	Vĩnh Sơn
6		Kôn	Bình Nghi
7		Kôn	Thạnh Hòa
8	Phú Yên	Kỳ Lộ	Hà Bằng
9		Ba	Củng Sơn
10		Ba	Phú Lâm
11	Ninh Thuận	Cái Phan Rang	Tân Mỹ
12		Cái Phan Rang	Phan Rang
13	Bình Thuận	La Ngà	Tà Pao
14		Lũy	Sông Lũy
15		Cái - Cà Ty	Phan Thiết
VIII	**Khu vực Tây Nguyên**		
1	Gia Lai	Ayun	Pơ Mơ Rê
2		Ba	An Khê
3		Ba	Ayunpa
4	Kon Tum	PôKô	Đắk Mốt
5		ĐakBla	Kon Plông
6		ĐakBla	Kon Tum
7		Đắk Tờ Kan	Đắk Tô

TT	Tỉnh/Thành phố	Lưu vực sông	Trạm thủy văn
8	Đắk Lắk	Krông Buk	Krông Buk
9		KrôngAna	Giang Sơn
10		SêRêPok	Bản Đôn
11	Đắk Nông	Krông Nô	Đức Xuyên
12		Đắk Nông	Đắk Nông
13	Lâm Đồng	La Ngà	Đại Nga
14		Cam Ly	Thanh Bình
IX	**Khu vực Nam Bộ**		
1	Thành phố Hồ Chí Minh	Sài Gòn	Phú An
2		Đồng Nai	Nhà Bè
3	Bà Rịa - Vũng Tàu		Vũng Tàu
4	Bình Dương	Sài Gòn	Dầu Tiếng
5		Sài Gòn	Thủ Dầu Một
6		Bé	Phước Hòa
7	Đồng Nai	Đồng Nai	Biên Hòa
8			Tà Lài
9		La Ngà	Phú Hiệp
10		Hồ Trị An	Trị An
11	Tây Ninh	Vàm Cỏ Đông	Gò Dầu Hạ
12		Bến Đá	Cần Đăng
13	Long An	Vàm Cỏ Đông	Bến Lức
14		Vàm Cỏ Tây	Mộc Hóa
15			Tân An

TT	Tỉnh/Thành phố	Lưu vực sông	Trạm thủy văn
16	Tiền Giang	Kênh Hồng Ngự	Hậu Mỹ Bắc
17		Cửa Tiểu	Hòa Bình
18		Tiền	Mỹ Tho
19	Bến Tre	Cổ Chiên	Bến Trại
20		Cửa Đại	Bình Đại
21		Hàm Luông	An Thuận
22			Chợ Lách
23			Mỹ Hóa
24	Vĩnh Long	Tiền	Mỹ Thuận
25	Trà Vinh	Cổ Chiên	Trà Vinh
26	Sóc Trăng	Hậu	Đại Ngãi
27		Hậu	Trần Đề
28	Hậu Giang	Cái Côn	Phụng Hiệp
29		Xà No	Vị Thanh
30	Cần Thơ	Hậu	Cần Thơ
31	An Giang	Rạch Ông Chưởng	Chợ Mới
32		Kênh Vĩnh Tế	Xuân Tô
33		Kênh Tri Tôn	Tri Tôn
34		Vàm Nao	Vàm Nao
35		Tiền	Tân Châu
36		Hậu	Châu Đốc
37		Hậu	Long Xuyên
38	Đồng Tháp	Tiền	Cao Lãnh
39		Kênh Phước Xuyên	Trường Xuân

TT	Tỉnh/Thành phố	Lưu vực sông	Trạm thủy văn
40	Kiên Giang	Kênh Cái Sắn	Tân Hiệp
41		Kiên	Rạch Giá
42		Cái Lớn	Xẻo Rô
43	Bạc Liêu	Quản Lộ Phụng Hiệp	Phước Long
44		Gành Hào	Gành Hào
45	Cà Mau	Gành Hào	Cà Mau
46		Cửa Lớn	Năm Căn
47		Ông Đốc	Sông Đốc

(*) Lưu lượng tương ứng với các cấp báo động lũ của vị trí Hồ Hòa Bình:

- Cấp báo động 1: 8.000 m^3/s;
- Cấp báo động 2: 10.000 m^3/s;
- Cấp báo động 3: 12.000 m^3/s.

Phụ lục III

BẢNG CẤP GIÓ VÀ CẤP SÓNG

(Kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Cấp gió	Tốc độ gió		Độ cao sóng trung bình	Mức độ nguy hại
Bô-pho	m/s	km/h	m	
0	0-0,2	< 1	-	
1	0,3 - 1,5	1-5	0,1	Gió nhẹ
2	1,6 - 3,3	6 - 11	0,2	Không gây nguy hại
3	3,4 - 5,4	12 - 19	0,6	
4	5,5 - 7,9	20 - 28	1,0	- Cây nhỏ có lá bắt đầu lay động, ảnh hưởng đến lúa đang phơi màu - Biển hơi động. Thuyền đánh cá bị chao nghiêng, phải cuốn bớt buồm
5	8,0 - 10,7	29 - 38	2,0	
6	10,8 - 13,8	39 - 49	3,0	- Cây cối rung chuyển. Khó đi ngược gió. - Biển động. Nguy hiểm đối với tàu, thuyền.
7	13,9 - 17,1	50 - 61	4,0	
8	17,2 - 20,7	62 - 74	5,5	- Gió làm gãy cành cây, tốc mái nhà gây thiệt hại về nhà cửa. Không thể đi ngược gió. - Biển động rất mạnh. Rất nguy hiểm đối với tàu, thuyền
9	20,8 - 24,4	75 - 88	7,0	
10	24,5 - 28,4	89 -102	9,0	- Làm đổ cây cối, nhà cửa, cột điện. Gây thiệt hại rất nặng. - Biển động dữ đội. Làm đắm tàu biển
11	28,5 - 32,6	103 - 117	11,5	
12	32,7 - 36.9	118 - 133	14,0	- Sức phá hoại cực kỳ lớn. - Sóng biển cực kỳ mạnh. Đánh đắm tàu biển có trọng tải lớn
13	37,0 - 41,4	134 - 149		
14	41,5 - 46,1	150 - 166		
15	46,2 - 50,9	167 - 183		
16	51,0 - 56,0	184 - 201		
17	56,1 - 61,2	202 - 220		

Phụ lục IV

DANH SÁCH CƠ QUAN CUNG CẤP VÀ CƠ QUAN ĐƯỢC CUNG CẤP TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THIÊN TAI

(Kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Cơ quan được cung cấp tin dự báo, cảnh báo thiên tai	Cơ quan cung cấp tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng, thủy văn, hải văn	Cơ quan cung cấp tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên	Cơ quan cung cấp tin động đất, cảnh báo sóng thần
1	Văn phòng Trung ương Đảng	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
2	Văn phòng Chính phủ	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
3	Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
4	Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
5	Bộ Quốc phòng	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
6	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
7	Bộ Công Thương	Tổng cục KTTV		Viện Vật lý địa cầu
8	Bộ Giao thông vận tải	Tổng cục KTTV		Viện Vật lý địa cầu

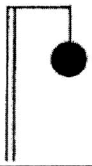
TT	Cơ quan được cung cấp tin dự báo, cảnh báo thiên tai	Cơ quan cung cấp tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng, thủy văn, hải văn	Cơ quan cung cấp tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên	Cơ quan cung cấp tin động đất, cảnh báo sóng thần
9	Bộ Thông tin và Truyền thông	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
10	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
11	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tổng cục KTTV		Viện Vật lý địa cầu
12	Bộ Công an	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
13	Đài Tiếng nói Việt Nam	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
14	Đài Truyền hình Việt Nam	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
15	Thông tấn xã Việt Nam	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
16	Báo Nhân dân	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
17	Cổng Thông tin điện tử Chính phủ	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	Viện Vật lý địa cầu
18	Công ty TNHH MTV thông tin điện tử hàng hải Việt Nam	Tổng cục KTTV		Viện Vật lý địa cầu
19	Văn phòng tỉnh ủy	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	
20	Văn phòng UBND tỉnh	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	

TT	Cơ quan được cung cấp tin dự báo, cảnh báo thiên tai	Cơ quan cung cấp tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng, thủy văn, hải văn	Cơ quan cung cấp tin dự báo, cảnh báo cháy rừng do tự nhiên	Cơ quan cung cấp tin động đất, cảnh báo sóng thần
21	Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	
22	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	
23	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh	Tổng cục KTTV	Tổng cục Lâm nghiệp	
24	Báo hàng ngày của tỉnh	Tổng cục KTTV	Theo đề nghị với Tổng cục Lâm nghiệp	
25	Các cơ quan khác	Theo đề nghị với Tổng cục KTTV, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Theo đề nghị với Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo đề nghị với Viện Vật lý địa cầu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Phụ lục V

TÍN HIỆU BÁO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO

(Kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Hình dạng tín hiệu	Ý nghĩa của tín hiệu
Một đèn nhấp nháy màu đỏ 	Đang có áp thấp nhiệt đới hoặc bão trên Biển Đông

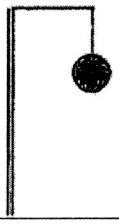
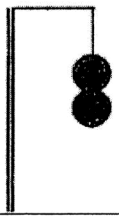
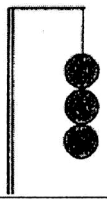
Ban ngày tàu, thuyền vận tải trên biển dùng cờ đuôi nheo thay tín hiệu đèn.

Cờ đuôi nheo màu đỏ (dạng tam giác vuông), chiều dài từ 1,00 m đến 1,50 m; chiều rộng bằng 1/2 chiều dài.

Phụ lục VI

TÍN HIỆU BÁO LŨ

(Kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Tín hiệu	Hình dạng tín hiệu	Ý nghĩa của từng loại tín hiệu
Báo động số 1	Một đèn nhấp nháy màu xanh 	Mực nước trên khu vực khống chế đạt mức Báo động số 1
Báo động số 2	Hai đèn nhấp nháy màu xanh 	Mực nước trên khu vực khống chế đạt mức Báo động số 2
Báo động số 3	Ba đèn nhấp nháy màu xanh 	Mực nước trên khu vực khống chế đạt mức Báo động số 3

Phụ lục VII

CHẾ ĐỘ VÀ ĐỊA ĐIỂM BẮN PHÁO HIỆU

(Kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CHẾ ĐỘ BẮN PHÁO HIỆU BÁO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO

1. Khi có "Tin bão trên Biển Đông", "Tin áp thấp nhiệt đới khẩn cấp", "Tin bão khẩn cấp", mỗi đêm bắn pháo hiệu 2 lần, mỗi lần 6 phát màu đỏ, chia làm 2 loạt, mỗi loạt bắn liền 3 phát, loạt bắn trước cách loạt bắn sau 3 phút.

2. Giờ bắn pháo hiệu lần 1 từ 19 giờ 30 đến 20 giờ 00, lần 2 từ 4 giờ 30 đến 5 giờ 00.

Trong trường hợp đặc biệt hoặc khẩn cấp, các đơn vị được chủ động tăng số lần bắn pháo hiệu, kể cả ban ngày.

II. ĐỊA ĐIỂM BẮN PHÁO HIỆU BÁO ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO VÀ ĐỊA ĐIỂM MÁY BAY TRỰC SẴN SÀNG ỨNG CỨU KHI CÓ THIÊN TAI XẢY RA

1. Bộ đội Biên phòng

a) Trên địa bàn các tỉnh ven biển:

- Tỉnh Quảng Ninh tại đảo Cô Tô (Đồn Biên phòng (BP) Cô Tô) và đảo Ngọc Vừng (Đồn BP Ngọc Vừng).

- Thành phố Hải Phòng tại đảo Cát Bà (Đồn BP Cát Bà), Đài quan sát Long Châu/Cát Hải (Đồn BP Cát Bà), đảo Hòn Dáu/quận Đồ Sơn (Đồn BP Đồ Sơn).

- Tỉnh Thái Bình tại Cửa Diêm Điền/Thái Thụy (Đồn BP cửa khẩu cảng Diêm Điền).

- Tỉnh Nam Định tại Ngọc Lâm/Nghĩa Hưng (Đồn BP Ngọc Lâm), cửa Ba Lạt (Cồn Lu)/Xuân Thủy (Đồn BP Ba Lạt), Doanh Châu/Hải Hậu (Đồn BP Văn Lý).

- Tỉnh Ninh Bình tại Cửa Đáy/Kim Sơn (Đồn BP Kim Sơn).

- Tỉnh Thanh Hóa tại núi Đầu Bò/Hoàng Hóa (Đồn BP Hoàng Trường), Trường Lệ/Sầm Sơn (Đồn BP Sầm Sơn), núi Du Xuyên/Tĩnh Gia (Đồn BP Hải Hòa), Đông Nam đảo Nghi Sơn (Đồn BP cửa khẩu cảng Nghi Sơn).

- Tỉnh Nghệ An tại Hòn (do đơn vị trên đảo).

- Tỉnh Hà Tĩnh tại Cửa Sót/Thạnh Hà (Đồn BP Cửa Sót).

- Tỉnh Quảng Bình tại Cửa Sông Gianh (Đồn BP cửa khẩu cảng Gianh), Cửa Ròon/Quảng Trạch (Đồn BP Ròon), Cửa Nhật Lệ/Đồng Hới (Đồn BP Nhật Lệ).

- Tỉnh Quảng Trị tại đảo Cồn Cỏ (do đơn vị trên đảo), Cửa Việt/Gio Linh (Đồn BP cửa khẩu cảng Cửa Việt), khu vực Cửa Tùng (Đồn BP Cửa Tùng).

- Tỉnh Thừa Thiên Huế tại cửa Thuận An/Phú Vang (Đồn BP cửa khẩu cảng Thuận An), khu vực Hải đăng cảng Chân Mây/Phú Lộc (Đồn BP cửa khẩu cảng (Chân Mây), xã Phong Hải/Phong Điền (Đồn BP Phong Điền); cửa Tư Hiền/Phú Lộc (Đồn BP Vinh Hiền).

- Thành phố Đà Nẵng tại bán đảo Sơn Trà (Đồn BP Sơn Trà), đèo Hải Vân/Liên Chiểu (Bộ đội BP thành phố Đà Nẵng).

- Tỉnh Quảng Nam tại Cù Lao Chàm/thành phố Hội An (Đồn BP Cù Lao Tràm), mũi Bàn Than/Núi Thành (Đồn BP cửa khẩu cảng Kỳ Hà), Cửa Đại/thành phố Hội An (Đồn BP Cửa Đại).

- Tỉnh Quảng Ngãi tại đảo Lý Sơn (Đồn BP Lý Sơn), Sa Huỳnh/Đức Phổ (Đồn BP Sa Huỳnh), Sơn Trà/Bình Sơn (Đồn BP Bình Thạnh).

- Tỉnh Bình Định tại Cù Lao Xanh/thành phố Quy Nhơn (Đồn BP Nhơn Châu).

- Tỉnh Phú Yên tại cửa biển An Hải/Tuy An (Đồn BP An Hải).

- Tỉnh Khánh Hòa tại Bình Ba/Cam Ranh (Đồn BP Bình Ba), Hòn Mun/thành phố Nha Trang (Đồn BP Bích Đầm), Đầm Môn/Vạn Ninh (Đồn BP Đầm Môn).

- Tỉnh Ninh Thuận tại Phước Dinh/Thuận Nam (Đồn BP Phước Dinh), Thanh Hải/Ninh Hải (Đồn BP Thanh Hải), Vĩnh Hải/Ninh Hải (Đồn BP Vĩnh Hải).

- Tỉnh Bình Thuận tại núi Cao Cát/Phú Quý (Đồn BP cửa khẩu cảng Phú Quý), Thanh Hải/Phan Thiết (Đồn BP Thanh Hải)

- Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Côn Đảo (Đồn BP Côn Đảo), Bến Đá/thành phố Vũng Tàu (Đồn BP Bến Đá).

- Thành phố Hồ Chí Minh tại xã Thạch An/Cần Giờ (Đồn BP Thạnh An), Lý Nhơn/Cần Giờ (Đồn BP Thạnh An), Đông Hòa/Cần Giờ (Đồn BP Long Hòa).

- Tỉnh Tiền Giang tại Vàm Láng/Gò Công Đông (Đồn BP Kiểng Phước), Cửa Tiểu/Gò Công Đông (Đồn BP Tân Thành).

- Tỉnh Bến Tre tại cửa Hàm Luông/Ba Tri (Đồn BP Hàm Luông).

- Tỉnh Trà Vinh tại thị trấn Mỹ Long/cầu Ngang (Đồn BP Mỹ Long).

- Tỉnh Sóc Trăng tại cửa Trần Đề/Long Phú (Đồn BP Trung Bình), Vĩnh Châu/thị xã Vĩnh Châu (Đồn BP Vĩnh Châu).

- Tỉnh Bạc Liêu tại cửa Gành Hào/Đông Hải (Đồn BP Gành Hào).

- Tỉnh Cà Mau tại Hòn Khoai/Ngọc Hiển (Đồn BP Hòn Khoai), cửa sông Đốc/sông Đốc (Đồn BP Sông Đốc), Hòn Chuối/Trần Văn Thời (Đồn BP Hòn Chuối), Khánh Hội/U Minh (Đồn BP Khánh Hội).

- Tỉnh Kiên Giang tại An Thới/Phú Quốc (Đồn BP An Thới), đảo Thổ Châu/Phú Quốc (Đồn BP Thổ Châu), Nam Du/Kiên Hải (Đồn BP Nam Du), xã Tây Yên/An Biên (Đồn BP Tây Yên).

- Tỉnh An Giang tại Vĩnh Xương/Tân Châu (Đồn BP Vĩnh Xương), Vĩnh Ngươn/Châu Đốc (Đồn BP Vĩnh Ngươn).

- Tỉnh Đồng Tháp tại Thông Bình/Tân Hồng (Đồn BP Thông Bình), Thường Phước 1/Hồng Ngự (Đồn BP cửa khẩu quốc tế Thường Phước).

b) Tại 28 Hải đội biên phòng: Ngoài việc triển khai bắn pháo hiệu tại các địa điểm trên, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chỉ bắn pháo hiệu tại 28 hải đội biên phòng của 28 tỉnh (thành phố) ven biển.

2. Quân chủng Hải quân:

- Đảo Bạch Long Vĩ

- Nam Long Châu 10 - 15 hải lý.

- Nam Hạ Mai 10 - 15 hải lý.

- Đông Mũi Sơn Trà 15 - 20 hải lý.

- Đông Nam Hòn Tre 15 - 20 hải lý.

- Đông Nam mũi Đá Vách 15 - 20 hải lý.

- Đông Nam Thổ Chu 30 hải lý.

- Đảo Đá Tây: 1 điểm.

- Lô 3/Phúc Tần: 1 điểm.

- Lô 1/Tư Chính: 1 điểm.

- Đảo Tốc Tan: 1 điểm.

- Khu vực Ba Kè (DK1/9).
- Bãi cạn Cà Mau (DK1/10).
- Đảo Đá Lớn.
- Đảo Nam Yết.
- Đảo Song Tử Tây.

3. Quân chủng Phòng không - Không quân.

Địa điểm các máy bay trực để sẵn sàng ứng cứu khi có thiên tai xảy ra:

- Sân bay Hòa Lạc.
- Sân bay Gia Lâm.
- Sân bay Đà Nẵng.
- Sân bay Tân Sơn Nhất.
- Sân bay Cần Thơ.

Phụ lục VIII

CƯỜNG ĐỘ CHẤN ĐỘNG TRÊN MẶT ĐẤT (THEO THANG MSK-64)

(Kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

A. PHÂN LOẠI THIỆT HẠI CÔNG TRÌNH

I. Kiểu công trình (Nhà xây dựng thiếu biện pháp kháng chấn)

Kiểu A: Nhà xây tường bằng đá có độ cứng kém, kiến trúc nông thôn; nhà xây tường bằng đất phiến, bằng đất sét.

Kiểu B: Nhà gạch thông thường, nhà kiểu khối lớn và bằng vật liệu đúc sẵn, nhà kiến trúc nửa gỗ, nhà xây bằng đá đẽo cứng.

Kiểu C: Nhà bằng bê tông cốt sắt, nhà bằng gỗ tốt.

II. Đặc trưng về số lượng

ít: gần 5%, nhiều: gần 50%, đa số: gần 75%.

III. Phân hạng sự hư hại

Bậc 1 - Hư hại nhẹ: rạn lớp vữa và rơi vỡ những mảnh vữa nhỏ.

Bậc 2 - Hư hại vừa: vết nứt nhỏ ở tường, rơi vỡ những mảnh vữa khá lớn, rơi ngói, vết nứt ở ống khói, rơi nhưng bộ phận của ống khói.

Bậc 3 - Hư hại nặng: vết nứt lớn và sâu ở tường, rơi ống khói.

Bậc 4 - Phá hoại: vết nứt xuyên qua tường, đổ sập những bộ phận của nhà cửa, phá hoại những chỗ liên kết giữa các bộ phận riêng lẻ của nhà cửa, đổ sập tường bên trong và tường khung.

Bậc 5 - Sụp đổ: phá hoại hoàn toàn nhà cửa.

B. PHÂN LOẠI TÁC ĐỘNG CỦA ĐỘNG ĐẤT THEO THANG MSK - 64

Cường độ chấn động (I)	Gia tốc cực đại nền g*	Mô tả các dấu hiệu
I		***Động đất không cảm thấy*** Độ mạnh của rung động dưới giới hạn cảm thấy; chỉ có máy đo mới phát hiện và ghi nhận được

Cường độ chấn động (I)	Gia tốc cực đại nền g*	Mô tả các dấu hiệu
II		***Động đất ít cảm thấy (rất nhẹ)*** Động đất chỉ cảm thấy bởi những người ở trạng thái yên tĩnh trong nhà
III		***Động đất yếu*** Động đất cảm nhận được bởi số ít người ở ngoài trời trong những điều kiện thuận lợi. Chấn động như được tạo nên bởi một xe ôtô vận tải nhẹ chạy qua. Đồ vật treo trong nhà đung đưa nhẹ, ở trên tầng gác cao thì đung đưa mạnh hơn.
IV		***Động đất nhận thấy rõ*** Động đất cảm nhận thấy bởi nhiều người ở trong nhà; ở ngoài trời bởi ít người. Đây đó có người ngủ tỉnh giấc song không có ai sợ hãi cả. Cửa kính, cửa ra vào, bát đĩa dập kêu lạch cạch. Sàn và tường nhà gỗ kêu cọt kẹt. Bàn ghế đồ đạc bắt đầu rung chuyển. Đồ vật treo đung đưa nhẹ. Nước đựng trong vật hở hơi sóng sánh. Người ngồi trong ôtô đỗ cảm nhận được động đất.
V	0,012 - 0,030	***Thức tỉnh*** Động đất cảm thấy ở trong nhà bởi mọi người, ở ngoài trời bởi nhiều người. Nhiều người ngủ bị tỉnh giấc. Một số ít người sợ hãi chạy ra khỏi nhà. Súc vật nhốn nháo. Nhà rung toàn bộ. Đồ vật treo dung đưa mạnh. Khung treo nhích khỏi chỗ. Trong trường hợp hiếm gặp đồng hồ quả lắc dừng lại. Một vài đồ vật không vững bị đổ hay xê dịch. Cửa sổ và cửa ra vào chưa cài bị mở toang rồi đóng sầm vào. Nước đựng đầy trong bình hở bị sánh ra ngoài một chút. Chấn động như tạo nên bởi những đồ vật nặng rơi trong nhà.

Cường độ chấn động (I)	Gia tốc cực đại nền g*	Mô tả các dấu hiệu
VI	0,03 - 0,06	***Sợ hãi*** Ở trong nhà cũng như ở ngoài trời, đa số người cảm nhận thấy động đất. Nhiều người đang ở trong nhà sợ hãi bỏ chạy ra ngoài. Một số ít người bị mất thăng bằng. Gia súc tháo chạy khỏi chuồng. Trong một số ít trường hợp, bát đĩa và đồ vật thủy tinh có thể bị vỡ, sách trên giá bị rơi xuống. Bàn ghế, đồ đạc nặng có thể di chuyển. Có thể nghe thấy tiếng của những chuông nhỏ trên tháp chuông vang lên. Ít nhà kiểu B và nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 1; nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 2. Trong một số ít trường hợp nền đất ẩm có thể có vết nứt rộng tới 1 cm, ở miền núi có thể có trượt đất. Thay đổi lưu lượng nguồn nước và mực nước dưới giếng.
VII	0,06 - 0,12	***Hư hại nhà cửa*** Đa số người sợ hãi và chạy ra khỏi nhà. Nhiều người khó đứng vững. Người lái xe ôtô cũng nhận biết được động đất. Chuông lớn ở nhà thờ kêu vang. Nhiều nhà kiểu C bị hư hại bậc 1; nhiều nhà kiểu B bị hư hại bậc 2; nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 3, một số ít bậc 4. Trong những trường hợp riêng lẻ, có trượt đất ở đoạn đường nằm trên sườn dốc và có vết nứt ở mặt đường. Có hư hại ở chỗ nối ống dẫn, có vết nứt ở hàng rào bằng đá. Nổi sóng trên mặt hồ, nước trở thành vẩn đục vì bùn bị khuấy lên. Thay đổi mực nước dưới giếng và lưu lượng nguồn nước. Trong một số ít trường hợp, xuất hiện nguồn nước mới hoặc biến mất nguồn nước cũ. Trong những trường hợp riêng lẻ, có trượt lở đất ở bờ sông cấu thành từ cát hay sạn nhỏ.

Cường độ chấn động (I)	Gia tốc cực đại nền g*	Mô tả các dấu hiệu
VIII	0,12 - 0,24	***Phá hoại nhà cửa*** Sợ hãi khủng khiếp, ngay cả người lái ôtô cũng lo ngại. Đây đó cành cây bị gẫy. Bàn, ghế, đồ đạc nặng bị xê dịch và đôi khi bị lật đổ. Một số đèn treo bị hư hại. Nhiều nhà kiểu C bị hư hại bậc 2, một số ít bậc 3; nhiều nhà kiểu B bị hư hại bậc 3, một số ít bậc 4; nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 4, một số ít bậc 5. Có trường hợp gẫy chỗ nối ống dẫn. Đài và tượng kỷ niệm bị di chuyển. Bia đá bị đổ. Hàng rào bằng đá bị phá hoại. Trượt đất nhỏ ở sườn dốc đứng, ở chỗ hõm sâu và ở chỗ ụ của đường đi, nền đất bị nứt rộng tới vài cm. Xuất hiện bể nước mới. Đôi khi giếng cạn lại đầy nước hoặc giếng đang có nước lại bị khô. Trong nhiều trường hợp, thay đổi lưu lượng nguồn nước và mực nước giếng.
IX	0,24 - 0,48	***Hư hại hoàn toàn nhà cửa*** Khủng khiếp hoàn toàn. Bàn, ghế, đồ đạc bị hư hại nặng. Súc vật chạy nhốn nháo và kêu rống lên. Nhiều nhà kiểu C bị hư hại bậc 3, một số ít bậc 4; nhiều nhà kiểu B bị hư hại bậc 4, một số ít bậc 5; nhiều nhà kiểu A bị hư hại bậc 5. Đài kỷ niệm bị lật đổ, hư hại nặng bể nước nhân tạo; đứt gãy một phần ống dẫn ngầm. Có trường hợp đường sắt bị uốn cong và đường đi bị hư hại. ở đồng bằng ngập nước thường thấy rõ những chỗ cát và bùn bị bồi lên. Nền đất bị nứt rộng tới 10 cm; còn ở sườn và bờ sông, quá 10 cm; ngoài ra còn nhiều vết rạn ở nền đất. Đá tảng bị sụt lở; có nhiều chỗ đất trượt và lở. Sóng to trên mặt nước.

Cường độ chấn động (I)	Gia tốc cực đại nền g*	Mô tả các dấu hiệu
X	0,48 - 0,80	***Phá hoại hoàn toàn nhà cửa*** Nhiều nhà kiểu C bị hư hại bậc 4, một số ít bậc 5; nhiều nhà kiểu B bị hư hại bậc 5, đa số nhà kiểu A bị hư hại bậc 5. Đê đập hư hại nguy hiểm, cầu hư hại nặng. Đường sắt hơi bị cong, ống dần ngầm bị cong hay gẫy. Lớp đá phủ và lớp nhựa đường đi tạo thành một mặt lượn sóng. Nền đất bị nứt rộng vài dm và trong vài trường hợp tới 1 m. Song song với lòng các dòng nước chảy, xuất hiện những đứt gãy rộng. Lở đá bở từ sườn dốc đứng. Có thể có trượt đất lớn ở bờ sông và bờ biển đốc đứng. Sánh nước ra ngoài kênh, hồ, sông,..., xuất hiện hồ nước mới.
XI	> 0,8	***Thảm họa*** Hư hại nặng ngay cả nhà xây tốt, cầu, đập nước và đường sắt; đường rải đá bị hỏng không dùng được nữa; ống dẫn ngầm bị phá hoại. Mặt đất bị biến dạng to thành vết nứt rộng, đứt gãy và di động theo các phương thẳng đứng và nằm ngang; núi sụt lở ở nhiều nơi. Muốn định cấp độ mạnh cần có khảo sát đặc biệt.
XII		***Thay đổi địa hình*** Hư hại nặng hay phá hoại thực sự mọi công trình ở trên và dưới mặt đất. Thay đổi hẳn mặt đất. Nền đất bị nứt lớn, bị di động theo các phương thẳng đứng và nằm ngang. Núi và bờ sông sụt lở trên những diện tích lớn. Xuất hiện hồ, hình thành thác, thay đổi dòng sông. Muốn định cấp độ mạnh cần có khảo sát đặc biệt.

(Xem tiếp Công báo số 575 + 576)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng